

Tuần 1

Thứ , ngày tháng năm 201...

Toán

Bài 1: Khái niệm về phân số

❶ a) Đọc các phân số:

$\frac{5}{7}$:

$\frac{25}{100}$:

$\frac{91}{38}$:

$\frac{60}{17}$:

$\frac{85}{1000}$:

b) Nêu tử số và mẫu số của từng phân số trên.

Phân số	$\frac{5}{7}$	$\frac{25}{100}$	$\frac{91}{38}$	$\frac{60}{17}$	$\frac{85}{1000}$
Tử số					
Mẫu số					

❷ Viết các thương dưới dạng phân số:

$3 : 5 = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$; $75 : 100 = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$; $9 : 17 = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$

❸ Viết các số tự nhiên dưới dạng phân số có mẫu số là 1:

$32 = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$; $105 = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$; $1000 = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$

❹ Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $1 = \frac{6}{\text{.....}}$; b) $0 = \frac{\text{.....}}{5}$

Thứ , ngày tháng năm 201...

Toán

Bài 2: Tính chất cơ bản của phân số

❶ Rút gọn các phân số:

$$\frac{15}{25} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} ; \quad \frac{18}{27} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} ; \quad \frac{36}{64} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

② Quy đồng mẫu các phân số:

a) $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{8}$; Lấy tích $\dots \times \dots = \dots$ là mẫu số chung. Ta có:

$$\frac{2}{3} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} ; \frac{5}{8} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$$

b) $\frac{1}{4}$ và $\frac{7}{12}$; Nhận xét: $\dots : \dots = \dots$, chọn $\dots$ là mẫu số chung. Ta có:

$$\frac{1}{4} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} ; \text{ giữ nguyên } \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

c) $\frac{5}{6}$ và $\frac{3}{8}$; Lấy tích ... x ... = là mẫu số chung. Ta có:

$$\frac{5}{6} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} ; \frac{3}{8} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$$

❸ Tìm các phân số bằng nhau trong các số dưới đây: $\frac{2}{5}$; $\frac{4}{7}$; $\frac{12}{30}$; $\frac{12}{21}$; $\frac{20}{35}$; $\frac{40}{100}$

$$\frac{12}{30} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} ; \frac{40}{100} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} ; \text{Vây } \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$$

$$\frac{12}{21} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} ; \frac{20}{35} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} ; \text{.....}$$

Thứ , ngày tháng năm 201...

Toán

Bài 3: So sánh hai phân số

● **Ghi nhớ:**

a) Trong hai phân số *cùng mẫu số*:

- Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.
- Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.
- Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau.

b) Muốn so sánh hai phân số *khác mẫu số*, ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi so sánh các tử số của chúng.

❶

>
<
=

 ?

$$\frac{4}{11} \dots \frac{6}{11}$$

$$\frac{15}{17} \dots \frac{10}{17}$$

$$\frac{6}{7} \dots \frac{12}{14}$$

$$\frac{2}{3} \dots \frac{3}{4}$$



❷ Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

a) $\frac{8}{9}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{17}{18}$

b) $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{8}$

.....

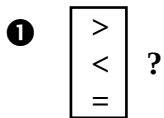
.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

Toán

Bài 4: So sánh hai phân số (tiếp theo)



a)

$$\frac{3}{5} \dots 1$$

$$\frac{2}{2} \dots 1$$

$$\frac{9}{4} \dots 1 \quad 1 \dots \frac{7}{8}$$

b) Nêu đặc điểm của phân số lớn hơn 1, bé hơn 1, bằng 1.

- Nếu tử số lớn hơn mẫu số thì phân số 1.

- Nếu tử số bé hơn mẫu số thì phân số 1.

- Nếu tử số bằng mẫu số thì phân số 1.

❷ a) So sánh các phân số:

$$\frac{2}{5} \text{ và } \frac{2}{7};$$

$$\frac{5}{9} \text{ và } \frac{5}{6};$$

$$\frac{11}{2} \text{ và } \frac{11}{3}$$

Ta có : $\frac{2}{5} \dots \frac{2}{7};$

$$\frac{5}{9} \dots \frac{5}{6};$$

$$\frac{11}{2} \dots \frac{11}{3}$$

b) Nêu cách so sánh hai phân số có cùng tử số.

- Trong hai phân số có tử số bằng nhau, phân số nào có mẫu số thì phân

số đó phân số kia.

- Trong hai phân số có tử số bằng nhau, phân số nào có mẫu số thì phân

số đó phân số kia.

❸ Phân số nào lớn hơn?

a) $\frac{3}{4} \dots \frac{5}{7};$

b) $\frac{2}{7} \dots \frac{4}{9};$

c) $\frac{5}{8} \dots \frac{8}{5}$

$$\frac{\dots}{\dots} \dots \frac{\dots}{\dots};$$

$$\frac{\dots}{\dots} \dots \frac{\dots}{\dots};$$

$$\frac{\dots}{\dots} \dots \frac{\dots}{\dots}$$

❹ Mẹ có một số quả quýt. Mẹ cho chị $\frac{1}{3}$ số quả quýt đó, cho em $\frac{2}{5}$ số quả quýt đó. Hỏi

ai được mẹ cho nhiều quýt hơn?

Bài giải

Quy đồng mẫu số hai phân số: $\frac{1}{3} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}; \quad \frac{2}{5} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

Vì $\frac{\dots}{\dots} \dots \frac{\dots}{\dots}$ nên $\frac{\dots}{\dots} \dots \frac{\dots}{\dots}$

Vậy được mẹ cho nhiều quýt hơn.

Thứ , ngày tháng năm 201...

Toán

Bài 5: Phân số thập phân

● **Ghi nhớ:**

a) Các phân số thập phân: $\frac{3}{10}$; $\frac{5}{100}$; $\frac{17}{1000}$; ... có mẫu số là 10 ; 100 ; 1000 ; ... gọi là các phân số thập phân.

b) Nhận xét:

$$\frac{3}{5} = \frac{3 \times 2}{5 \times 2} = \frac{6}{10} ; \quad \frac{7}{4} = \frac{7 \times 25}{4 \times 25} = \frac{175}{100} ; \quad \frac{20}{125} = \frac{20 \times 8}{125 \times 8} = \frac{160}{1000}$$

Một số phân số có thể viết thành phân số thập phân.

❶ Đọc các phân số thập phân:

$$\frac{9}{10} : \dots\dots\dots \quad \frac{21}{100} :$$

.....

$$\frac{625}{1000} : \dots\dots\dots \quad \frac{2005}{1000000} :$$

.....

❷ Viết các phân số thập phân:

- Bảy phần mười: $\frac{.....}{.....}$

- Hai mươi phần trăm: $\frac{.....}{.....}$

- Bốn trăm bảy mươi lăm phần nghìn: $\frac{.....}{.....}$

- Một phần triệu: $\frac{.....}{.....}$

❸ Phân số nào dưới đây là phân số thập phân?

$$\frac{3}{7} ; \quad \frac{4}{10} ; \quad \frac{100}{34} ; \quad \frac{17}{1000} ; \quad \frac{69}{2000} .$$

Đó là các phân số: $\frac{.....}{.....}$; $\frac{.....}{.....}$

❹ Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{7}{2} = \frac{7 \times \dots\dots}{2 \times \dots\dots} = \frac{\dots\dots}{10}$;

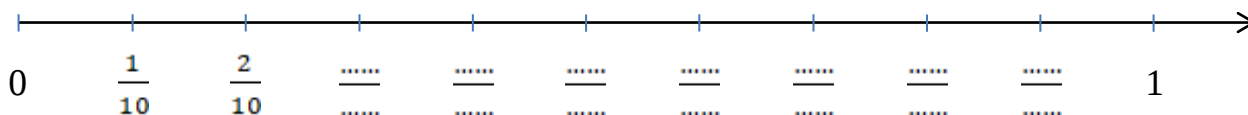
b) $\frac{3}{4} = \frac{3 \times \dots\dots}{4 \times \dots\dots} = \frac{\dots\dots}{100}$

c) $\frac{6}{30} = \frac{6 : \dots\dots}{30 : \dots\dots} = \frac{\dots\dots}{10}$;

d) $\frac{64}{800} = \frac{64 : \dots\dots}{800 : \dots\dots} = \frac{\dots\dots}{100}$

Bài 6: Luyện tập

- ❶ Viết phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm dưới mỗi vạch của tia số:



- ❷ Viết các phân số sau thành phân số thập phân:

$$\frac{11}{2} = \frac{\dots \times \dots}{\dots \times \dots} = \frac{\dots}{\dots} ; \quad \frac{15}{4} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} ; \quad \frac{31}{5} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

- ❸ Viết các phân số sau thành phân số thập phân có mẫu là 100:

$$\frac{6}{25} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{100} ; \quad \frac{500}{1000} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{100} ; \quad \frac{18}{200} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{100}$$

❹

$>$ $<$ $=$?	$\frac{7}{10}$	...	$\frac{9}{10}$	$\frac{92}{100}$	...	$\frac{87}{200}$
	$\frac{5}{10}$	...	$\frac{50}{100}$	$\frac{8}{10}$	...	$\frac{28}{100}$

- ❺ Một lớp học có 30 học sinh, trong đó $\frac{3}{10}$ số học sinh là học sinh giỏi Toán, $\frac{2}{10}$ số học sinh là học sinh giỏi Tiếng Việt. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh giỏi Toán, bao nhiêu học sinh giỏi Tiếng Việt ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 7 : Ôn tập : Phép cộng và phép trừ hai phân số

● Ghi nhớ :

a) Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số cùng mẫu số ta cộng (hoặc trừ) hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.

$$\frac{3}{7} + \frac{5}{7} = \frac{3+5}{7} = \frac{8}{7} \quad ; \quad \frac{10}{15} - \frac{3}{15} = \frac{10-3}{15} = \frac{7}{15}$$

b) Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số khác mẫu số ta quy đồng mẫu số, rồi cộng (hoặc trừ) hai phân số đã quy đồng mẫu số.

$$\frac{7}{9} + \frac{3}{10} = \frac{70}{90} + \frac{27}{90} = \frac{97}{90}$$

$$\frac{7}{8} - \frac{7}{9} = \frac{63}{72} - \frac{56}{72} = \frac{7}{72}$$

c) $\frac{4}{9} + \frac{1}{3} = \frac{4}{9} + \frac{3}{9} = \frac{7}{9}$

$$\frac{4}{9} - \frac{1}{3} = \frac{4}{9} - \frac{3}{9} = \frac{1}{9}$$

d) $3 + \frac{4}{5} = \frac{15}{5} + \frac{4}{5} = \frac{19}{5}$

$$2 - \frac{3}{4} = \frac{8}{4} - \frac{3}{4} = \frac{5}{4}$$

❶ Tính :

a) $\frac{6}{7} + \frac{5}{8} = \frac{\dots}{\dots} + \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

b) $\frac{3}{5} - \frac{3}{8} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

c) $\frac{1}{4} + \frac{5}{6} = \frac{\dots}{\dots} + \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

d) $\frac{4}{9} - \frac{1}{6} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

❷ Tính :

a) $3 + \frac{2}{5} = \frac{\dots}{\dots} + \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

b) $4 - \frac{5}{7} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

c) $1 - \left(\frac{2}{5} + \frac{1}{3} \right) = \dots - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

❸ Một hộp bóng có $\frac{1}{2}$ số bóng màu đỏ, $\frac{1}{3}$ số bóng màu xanh, còn lại là bóng màu vàng.

Tìm phân số chỉ số bóng màu vàng.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 8 : Ôn tập : Phép nhân và phép chia hai phân số

● Ghi nhớ :

a) Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

$$\frac{2}{7} \times \frac{5}{9} = \frac{2 \times 5}{7 \times 9} = \frac{10}{63}$$

Mẫu 2: $\frac{2}{9} \times 5 = \frac{2}{9} \times \frac{5}{1} = \frac{2 \times 5}{9 \times 1} = \frac{10}{9}$ hay $\frac{2}{9} \times 5 = \frac{2 \times 5}{9} = \frac{10}{9}$

Mẫu 3: $2 \times \frac{3}{7} = \frac{2}{1} \times \frac{3}{7} = \frac{2 \times 3}{1 \times 7} = \frac{6}{7}$ hay $2 \times \frac{3}{7} = \frac{2 \times 3}{7} = \frac{6}{7}$

b) Muốn chia một phân số cho một phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

$$\frac{4}{5} : \frac{3}{8} = \frac{4}{5} \times \frac{8}{3} = \frac{32}{15}$$

Mẫu 2: $2 : \frac{3}{4} = \frac{2}{1} : \frac{3}{4} = \frac{2}{1} \times \frac{4}{3} = \frac{8}{3}$ hay $2 : \frac{3}{4} = \frac{2 \times 4}{3} = \frac{8}{3}$

Mẫu 3: $\frac{9}{4} : 2 = \frac{9}{4} : \frac{2}{1} = \frac{9}{4} \times \frac{1}{2} = \frac{9}{8}$ hay $\frac{9}{4} : 2 = \frac{9}{4 \times 2} = \frac{9}{8}$

❶ Tính :

a) $\frac{3}{10} \times \frac{4}{9} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

$$\frac{6}{5} : \frac{3}{8} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{3}{4} \times \frac{2}{5} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{5}{8} : \frac{1}{2} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

b) $4 \times \frac{3}{8} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

$$3 : \frac{1}{2} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} : \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} =$$

$$\frac{1}{2} : 3 = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} : \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

❷ Tính (theo mẫu) :

a) $\frac{9}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{9 \times 5}{10 \times 6} = \frac{3 \times \cancel{3} \times 5}{5 \times \cancel{2} \times 3 \times \cancel{2}} = \frac{3}{4}$

b) $\frac{6}{25} : \frac{21}{20} = \frac{\dots\dots \times \dots\dots}{\dots\dots \times \dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

c) $\frac{40}{7} \times \frac{14}{5} = \frac{\dots\dots \times \dots\dots}{\dots\dots \times \dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

d) $\frac{17}{13} : \frac{51}{26} = \frac{\dots\dots \times \dots\dots}{\dots\dots \times \dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

❸ Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài $\frac{1}{2}$ m, chiều rộng $\frac{1}{3}$ m. Chia tấm bìa đó thành 3 phần bằng nhau. Tính diện tích của mỗi phần.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

• • • • •

.....

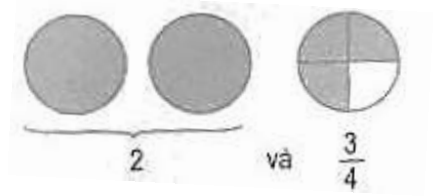
.....

Thứ, ngày tháng năm 201...

To án

Bài 9 : Hỗn số

● Ghi nhớ :



- Có hai cái bánh và $\frac{3}{4}$ cái bánh. Ta nói gọn là

“có 2 và $\frac{3}{4}$ cái bánh” và viết gọn là $2\frac{3}{4}$ cái bánh

$2\frac{3}{4}$ gọi là **hỗn số**. $2\frac{3}{4}$ đọc là : **hai và ba phần tư**.

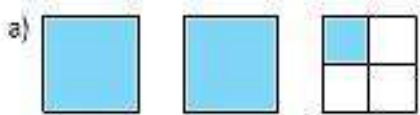
2 và $\frac{3}{4}$ hay $2 + \frac{3}{4}$ viết thành $2\frac{3}{4}$

$2\frac{3}{4}$ có phần nguyên là 2, phần phân số là $\frac{3}{4}$.

Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn đơn vị.

Khi đọc (hoặc viết) hỗn số ta đọc (hoặc viết) phần nguyên rồi đọc (hoặc viết) phần phân số.

❶ Dựa vào hình vẽ để viết rồi đọc hỗn số thích hợp (theo mẫu) :



Viết : Đọc :
.....

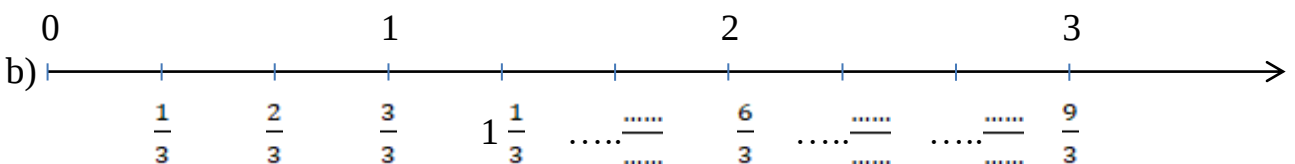
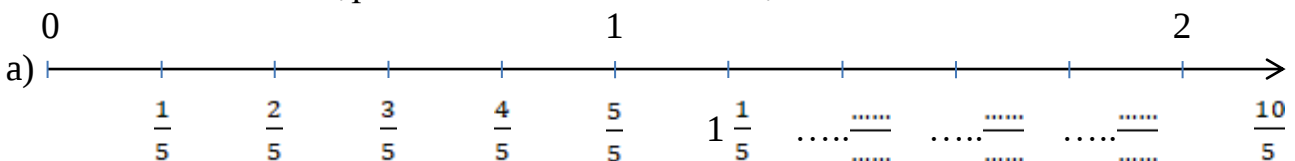


Viết : Đọc :
.....



Viết : Đọc :

❷ Viết hỗn số thích hợp vào chỗ chấm dưới mỗi vạch của tia số :



Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 10 : Hỗn số (tiếp theo)

● Ghi nhớ : $2\frac{5}{8} = 2 + \frac{5}{8} = \frac{2 \times 8 + 5}{8} = \frac{21}{8}$ hay $2\frac{5}{8} = \frac{2 \times 8 + 5}{8} = \frac{21}{8}$

❶ Chuyển các hỗn số sau thành phân số :

$$2\frac{1}{3} = \frac{\dots \times \dots + \dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$4\frac{2}{5} = \frac{\dots \times \dots + \dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$3\frac{1}{4} = \frac{\dots \times \dots + \dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$9\frac{5}{7} = \frac{\dots \times \dots + \dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

$$10\frac{3}{10} = \frac{\dots \times \dots + \dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

❷ Chuyển các hỗn số sau thành phân số rồi thực hiện phép tính (theo mẫu) :

Mẫu : a) $2\frac{1}{3} + 4\frac{1}{3} = \frac{7}{3} + \frac{13}{3} = \frac{20}{3}$ b) $9\frac{2}{7} + 5\frac{3}{7} = \frac{\dots}{\dots}$

$$+ \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$$

c) $10\frac{3}{10} - 4\frac{7}{10} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

❸ Chuyển các hỗn số sau thành phân số rồi thực hiện phép tính (theo mẫu) :

Mẫu : a) $2\frac{1}{3} \times 5\frac{1}{4} = \frac{7}{3} \times \frac{21}{4} = \frac{49}{4}$ $2\frac{1}{3} : 5\frac{1}{4} = \frac{7}{3} \times \frac{4}{21}$

$$= \frac{4}{9}$$

b) $3\frac{2}{5} \times 2\frac{1}{7} = \frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$ c) $8\frac{1}{6} : 2\frac{1}{2} = \frac{\dots}{\dots} \times \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

Bài 11 : Luyện tập

❶ Chuyển các hỗn số sau thành phân số :

$$2\frac{3}{5} = \frac{..... \times +}{.....} = \frac{.....}{.....}$$

$$5\frac{4}{9} = \frac{..... \times +}{.....} = \frac{.....}{.....}$$

$$9\frac{3}{8} = \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....}$$

$$12\frac{7}{10} = \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....}$$

❷ So sánh các hỗn số :

a) $3\frac{9}{10}$ $2\frac{9}{10}$

b) $3\frac{4}{10}$ $3\frac{9}{10}$

c) $5\frac{1}{10}$ $2\frac{9}{10}$

d) $3\frac{4}{10}$ $3\frac{2}{5}$

❸ Chuyển các hỗn số sau thành phân số rồi thực hiện phép tính (theo mẫu) :

Mẫu :

$$2\frac{1}{4} + 1\frac{1}{7} = \frac{9}{4} + \frac{8}{7} = \frac{63}{28} + \frac{32}{28} = \frac{95}{28} \quad 2\frac{1}{4} - 1\frac{1}{7} =$$

$$\frac{9}{4} - \frac{8}{7} = \frac{63}{28} - \frac{32}{28} = \frac{31}{28} \quad 7$$

$$2\frac{1}{3} \times 5\frac{1}{4} = \frac{7}{3} \times \frac{21}{4} = \frac{49}{4} \quad 1$$

$$2\frac{1}{3} : 5\frac{1}{4} = \frac{7}{3} \times \frac{4}{21} = \frac{4}{9} \quad 3$$

a) $1\frac{1}{2} + 1\frac{1}{3} = \frac{.....}{.....} + \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....} + \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....}$

b) $2\frac{2}{3} - 1\frac{4}{7} = \frac{.....}{.....} - \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....} - \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....}$

c) $2\frac{2}{3} \times 5\frac{1}{4} = \frac{.....}{.....} \times \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....} =$

d) $3\frac{1}{3} : 2\frac{1}{4} = \frac{.....}{.....} \times \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....} = \frac{.....}{.....}$

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 12 : Luyện tập chung

❶ Chuyển các phân số sau thành phân số thập phân :

$$\frac{14}{70} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{11}{25} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{75}{300} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$\frac{23}{500} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

❷ Chuyển các hỗn số sau thành phân số :

$$8\frac{2}{5} = \frac{\dots\dots \times \dots\dots + \dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$5\frac{3}{4} = \frac{\dots\dots \times \dots\dots + \dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$4\frac{3}{7} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

$$2\frac{1}{10} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$$

❸ Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 1dm = $\frac{1}{10}$ m

b) 1g = $\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$ kg

c) 1 phút = $\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$ giờ

3dm = $\frac{3}{10}$ m

8g = $\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$ kg

6 phút = $\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$ giờ

9dm = $\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$ m

25g = $\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$ kg

12 phút = $\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$ giờ

❹ Viết các số đo độ dài (theo mẫu) :

$$5\text{m } 7\text{dm} = 5\text{m} + \frac{7}{10}\text{m} = 5\frac{7}{10}\text{m}$$

$$2\text{m } 3\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m} + \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m} = \dots\dots\dots\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m}$$

$$4\text{m } 37\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m} + \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m} = \dots\dots\dots\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m}$$

$$1\text{m } 53\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m} + \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m} = \dots\dots\dots\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m}$$

❺ Đo chiều dài của một sợi dây được 3m và 27cm. Hãy viết số đo độ dài của sợi dây dưới dạng số đo có đơn vị là : xăng-ti-mét ; đề-xi-mét ; mét.

Độ dài của sợi dây là : cm ; dm ; m

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 13 : Luyện tập chung

❶ Tính :

a) $\frac{7}{9} + \frac{9}{10} = \frac{\dots}{\dots} + \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

c) $\frac{3}{5} + \frac{1}{2} + \frac{3}{10} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

b) $\frac{5}{6} + \frac{7}{8} = \frac{\dots}{\dots} + \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

❷ Tính :

a) $\frac{5}{8} - \frac{2}{5} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

c) $\frac{2}{3} + \frac{1}{2} - \frac{5}{6} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

b) $1\frac{1}{10} - \frac{3}{4} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} - \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots} = \frac{\dots}{\dots}$

❸ Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng : $\frac{3}{8} + \frac{1}{4} = ?$

A. $\frac{7}{9}$

B. $\frac{3}{4}$

C. $\frac{5}{8}$

D. $\frac{4}{12}$

❹ Viết các số đo độ dài (theo mẫu) :

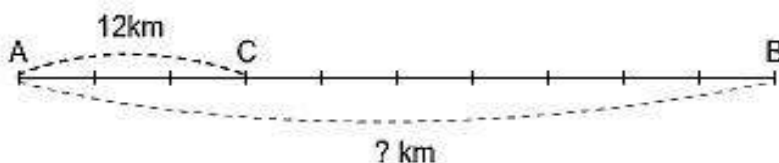
Mẫu : $9\text{m } 5\text{dm} = 9\text{m} + \frac{5}{10}\text{m} = 9\frac{5}{10}\text{m}$

$7\text{m } 3\text{dm} = \dots\dots\text{m} + \frac{\dots}{\dots}\text{m} = \dots\dots\frac{\dots}{\dots}\text{m}$

$8\text{dm } 9\text{cm} = \dots\dots\text{dm} + \frac{\dots}{\dots}\text{dm} = \dots\dots\frac{\dots}{\dots}\text{dm}$

$12\text{cm } 5\text{mm} = \dots\dots\text{cm} + \frac{\dots}{\dots}\text{cm} = \dots\dots\frac{\dots}{\dots}\text{cm}$

❺ Biết $\frac{3}{10}$ quãng đường AB dài 12km. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu ki-lô-mét ?



Bài giải

.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 14 : Luyện tập chung

❶ Tính :

a) $\frac{7}{9} \times \frac{4}{5} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

b) $2\frac{1}{4} \times 3\frac{2}{5} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} =$

c) $\frac{1}{5} : \frac{7}{8} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

d) $1\frac{1}{5} : 1\frac{1}{3} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \times \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

❷ Tìm x :

a) $x + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$

b) $x - \frac{3}{5} = \frac{1}{10}$

c) $x \times \frac{2}{7} = \frac{6}{11}$

d) $x : \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$

❸ Viết các số đo độ dài (theo mẫu) :

Mẫu : $2\text{m } 15\text{cm} = 2\text{m} + \frac{15}{100}\text{m} = 2\frac{15}{100}\text{m}$

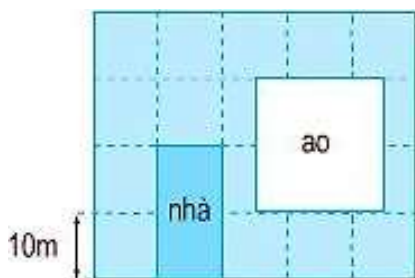
$1\text{m } 75\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m} + \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m} = \dots\dots\dots\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m}$

$5\text{m } 36\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m} + \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m} = \dots\dots\dots\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m}$

$8\text{m } 8\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m} + \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m} = \dots\dots\dots\frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}\text{m}$

❹ Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Một mảnh đất hình chữ nhật kích thước như hình vẽ dưới đây.



Sau khi đào ao và làm nhà thì diện tích phần đất còn lại là :

- A. 180 m^2
- B. 1400 m^2
- C. 1800 m^2
- D. 2000 m^2

Chiều dài mảnh đất làm. Chiều rộng mảnh đất làm.

Diện tích mảnh đất là :
.....

Chiều dài nhà làm. Chiều rộng nhà làm.

Diện tích nhà là :
.....

Ao hình vuông có cạnh dàim

Diện tích ao là :

.....

Diện tích phần đất còn lại là :

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 15 : Ôn tập về giải to án

- 1 a) a) Tổng của hai số là 80. Số thứ nhất bằng $\frac{7}{9}$ số thứ hai. Tìm hai số đó.**

- b) Hiệu của hai số là 55. Số thứ nhất bằng $\frac{9}{4}$ số thứ hai. Tìm hai số đó.

Bài giải

[illegible]

- 2** Số lít nước mắm loại I nhiều hơn số lít nước mắm loại II là $12l$. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu lít nước mắm, biết rằng số lít nước mắm loại I gấp 3 lần số lít nước mắm loại II ?

Bài giải

[illegible]

3 Một vườn hoa hình chữ nhật có chu vi là 120m. Chiều rộng bằng $\frac{5}{7}$ chiều dài.

a) Tính chiều dài, chiều rộng vườn hoa đó.

b) Người ta sử dụng $\frac{1}{25}$ diện tích vườn hoa để làm lối đi. Hỏi diện tích lối đi là bao nhiêu

mét vuông ?

Bài giải

[illegible]

Tuần 4 Thứ , ngày tháng năm 201...

..... **To án**

Bài 16 : Ôn tập và bổ sung về giải to án

Bài toán : Một ô tô trong 2 giờ đi được 90km. Hỏi trong 4 giờ ô tô đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét ?

Tóm tắt

2 giờ : 90km

4 giờ : ... km ?

Bài giải

Cách 1 : Trong 4 giờ ô tô đi được là :

$$90 \times 4 : 2 = 180 \text{ (km)}$$

Đáp số : 180 km

Cách 2 : Trong 1 giờ ô tô đi được là :

$$90 : 2 = 45 \text{ (km)}$$

Trong 4 giờ ô tô đi được là :

$$45 \times 4 = 180 \text{ (km)}$$

Đáp số : 180 km

Cách 3 : 4 giờ gấp 2 lần số giờ là :

$$4 : 2 = 2 \text{ (lần)}$$

Trong 4 giờ ô tô đi được là :

$$90 \times 2 = 180 \text{ (km)}$$

Đáp số : 180 km

❶ Mua 5m vải hết 80 000 đồng. Hỏi mua 7m vải loại đó hết bao nhiêu tiền ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

❷ Một đội trồng rừng trung bình cứ ba ngày trồng được 1200 cây thông. Hỏi trong 12 ngày đội đó trồng được bao nhiêu cây thông ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❸ Số dân của một xã hiện nay có 4000 người.

a) Với mức tăng hằng năm là cứ 1000 người thì tăng thêm 21 người, hãy tính xem một năm sau số dân của xã đó tăng thêm bao nhiêu người.

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) Nếu hạ mức tăng hằng năm xuống là cứ 1000 người chỉ tăng thêm 15 người, thì sau một năm số dân của xã đó tăng thêm bao nhiêu người ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 17 : Luyện tập

- ❶** Mua 12 quyển vở hết 24 000 đồng. Hỏi mua 30 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền ?

[illegible]

- 2** Bạn Hà mua hai tá bút chì hết 30 000 đồng. Hỏi bạn Mai muốn mua 8 cái bút chì như thế thì phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền ?
- Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

- 3** Một trường tổ chức cho học sinh đi tham quan di tích lịch sử. Đợt thứ nhất cần có 3 xe ô tô để chở 120 học sinh. Hỏi đợt thứ hai muốn chở 160 học sinh đi tham quan thì cần dùng mấy xe ô tô như thế ?
- Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

.....
.....
.....
.....

④ Một người làm công trong hai ngày được trả 72 000 đồng tiền công. Hỏi với mức trả lương như thế, nếu làm trong 5 ngày thì người đó được trả bao nhiêu tiền ?

Tóm tắt	Bài giải
---------	----------

.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 18 : Ôn tập và bổ sung về giải to án (tiếp theo)

Bài toán : Muốn đắp xong nền nhà trong hai ngày cần có 12 người. Hỏi muốn đắp xong nền nhà đó trong bốn ngày cần bao nhiêu người ?

Tóm tắt

Bài giải

2 ngày: 12 người

Cách 1 : Muốn đắp xong nền nhà trong bốn ngày cần số người là :

4 ngày: ... người ?

$$12 \times 2 : 4 = 6 \text{ (người)}$$

Đáp số : 6 người

Cách 2 : 4 ngày gấp 2 ngày số lần là :

$$4 : 2 = 2 \text{ (lần)}$$

Muốn đắp xong nền nhà trong bốn ngày cần số người là :

$$12 : 2 = 6 \text{ (người)}$$

Đáp số : 6 người

❶ 10 người làm xong một công việc phải hết 7 ngày. Nay muốn làm xong công việc đó trong 5 ngày thì cần bao nhiêu người ? (Mức làm của mỗi người như nhau).

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❷ Một bếp ăn dự trữ gạo đủ cho 120 người ăn trong 20 ngày, thực tế đã có 150 người ăn. Hỏi số gạo dự trữ đó đủ ăn trong bao nhiêu ngày ? (Mức ăn của mọi người như nhau)

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

③ Để hút nước ở một cái hồ, phải dùng 3 máy bơm làm việc liên tục trong 4 giờ. Vì muốn công việc hoàn thành sớm hơn nên người ta đã dùng 6 máy bơm như thế. Hỏi sau mấy giờ sẽ hút hết nước ở hồ ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 19 : Luyện tập

❶ Một người mua 25 quyển vở, giá 3000 đồng một quyển thì vừa hết số tiền đang có. Cũng với số tiền đó, nếu mua vở với giá 1500 đồng một quyển thì người đó mua được bao nhiêu quyển vở ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❷ Một gia đình gồm 3 người (bố, mẹ và một con). Bình quân thu nhập hàng tháng là 800000 đồng mỗi người. Nếu gia đình đó có thêm một con nữa mà tổng thu nhập của gia đình không thay đổi thì bình quân thu nhập hàng tháng của mỗi người giảm đi bao nhiêu tiền ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❸ Một đội 10 người trong một ngày đào được 35m nương. Người ta bổ sung thêm 20 người nữa cùng đào thì trong một ngày đào được bao nhiêu mét nương? (Mức đào của mỗi người như nhau)

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

④ Một xe tải chỉ có thể chở được 300 bao gạo, mỗi bao 50 kg. Nếu chất lên xe đó loại bao gạo 75 kg thì xe chở được nhiều nhất bao nhiêu bao ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 20 : Luyện tập chung

❶ Một lớp học có 28 học sinh, trong đó số em nam bằng $\frac{2}{5}$ số em nữ. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu em nữ, bao nhiêu em nam ?

Bài giải

.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

❷ Tính chu vi một mảnh đất hình chữ nhật, biết chiều dài gấp 2 lần chiều rộng và hơn chiều rộng 15m.

Bài giải

.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

❸ Một ô tô cứ đi 100 km thì tiêu thụ hết 12l xăng. Nếu ô tô đó đã đi quãng đường 50 km thì sẽ tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng ?

Tóm tắt

Bài giải

❹ Theo dự định, một xưởng mộc phải làm trong 30 ngày, mỗi ngày đóng được 12 bộ bàn ghế thì mới hoàn thành kế hoạch. Do cải tiến kĩ thuật, mỗi ngày xưởng đó đóng được 18 bộ bàn ghế. Hỏi xưởng mộc làm trong bao nhiêu ngày thì hoàn thành kế hoạch?

Bài giải

[illegible]

Tuần 5 Thứ , ngày tháng năm 201...

..... **To án**

❶ a) Viết cho đầy đủ bảng đơn vị đo độ dài sau :

b) Nhận xét : Hai đơn vị đo độ dài liền nhau :

- Đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị lớn.

15cm = mm 25 000m = km 1m = km

3040m = km

Bài giải

[illegible]

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

Toán

Bài 22 : Bảng đơn vị đo khối lượng

❶ a) Viết cho đầy đủ bảng đơn vị đo khối lượng sau :

Lớn hơn ki-lô-gam			Ki-lô-gam	Bé hơn ki-lô-gam		
tấn	tạ	yến	kg	hg	dag	g
1 tấn	1 tạ	1 yến	1 kg	1 hg	1 dag	1 g
= tạ	= yến	= kg	= 10 hg	= dag	= g	
	= $\frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ tấn	= $\frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ tạ	= $\frac{1}{10}$ yến	= $\frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ kg	= $\frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ hg	= $\frac{\dots\dots}{\dots\dots}$ dag

b) Nhận xét: Hai đơn vị đo khối lượng liền nhau :

– Đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé.

– Đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị lớn.

❷ Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 18 yến = kg b)

430kg = yến

200 tạ = kg

2500kg = tạ

35 tấn = kg

16 000kg = tấn

c) 2kg 326g = g d)

4008g = kg g

6kg 3g = g

9050kg = tấn kg

❸ $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$? 2kg 50g ... 2500g

6090kg ... 6 tấn 8kg

13kg 85g ... 13kg 805g

$\frac{1}{4}$ tấn ... 250 kg

❹ Một cửa hàng trong 3 ngày bán được 1 tấn đường. Ngày đầu bán được 300kg. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày đầu. Hỏi ngày thứ ba cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 23 : Luyện tập

❶ Liên đội trường Hòa Bình thu gom được 1 tấn 300kg giấy vụn. Liên đội trường Hoàng Diệu thu gom được 2 tấn 700kg giấy vụn. Biết rằng cứ 2 tấn giấy vụn thì sản xuất được

50 000 cuốn vở học sinh. Hỏi từ số giấy vụn mà cả hai trường đã thu gom được, có thể sản xuất được bao nhiêu cuốn vở học sinh ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 Một con chim sâu cân nặng 60g. Một con đà điểu cân nặng 120kg. Hỏi con đà điểu nặng gấp bao nhiêu lần con chim sâu ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

• • • • •

.....

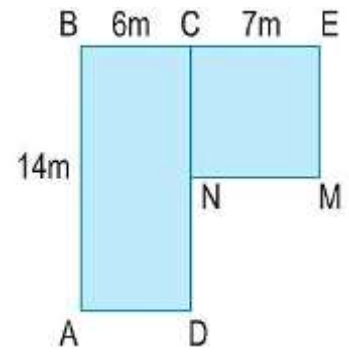
.....

.....

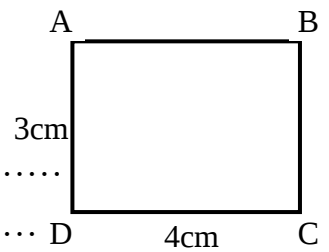
.....

.....

Bài giải



Bài giải



Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 24 : Đề-ca-mét vuông. Héc-tô-mét vuông

● Ghi nhớ : $1\text{dam}^2 = 100\text{m}^2$; $1\text{hm}^2 = 100\text{dam}^2$

❶ Đọc các số đo diện tích :

105dam² :

.....

.

32 600dam² :

.....

492hm² :

.....

...

180 350hm² :

.....

❷ Viết các số đo diện tích:

a) Hai trăm bảy mươi một đề-ca-mét vuông :

.....

b) Mười tám nghìn chín trăm năm mươi tư đề-ca-mét vuông :

.....

c) Sáu trăm linh ba héc-tô-mét vuông :

.....

d) Ba mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi héc-tô-mét vuông :

.....

❸ a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$$2\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$3\text{dam}^2 \ 15\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$200\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$30\text{hm}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$12\text{hm}^2 \ 5\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$760\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 \dots\dots\dots \text{m}^2$$

b) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm :

$$1\text{m}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{dam}^2$$

$$1\text{dam}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{hm}^2$$

$$\text{Hướng dẫn : } 100\text{m}^2 = 1\text{dam}^2$$

$$3\text{m}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{dam}^2$$

$$8\text{dam}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{hm}^2$$

$$1\text{m}^2 = \frac{1}{100} \text{dam}^2$$

$$27\text{m}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{dam}^2$$

$$15\text{dam}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{hm}^2$$

$$3\text{m}^2 = \frac{3}{100} \text{dam}^2$$

❹ Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là đề-ca-mét vuông (theo mẫu) :

$$\text{Mẫu : } 5\text{dam}^2 \ 23\text{m}^2 = 5\text{dam}^2 + \frac{23}{100} \text{dam}^2 = 5 \frac{23}{100} \text{dam}^2$$

$$16\text{dam}^2\ 91\text{m}^2 = \dots\dots \text{dam}^2 + \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \text{dam}^2 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \text{dam}^2$$

$$32\text{dam}^2\ 5\text{m}^2 = \dots\dots \text{dam}^2 + \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \text{dam}^2 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots} \text{dam}^2$$

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 25 : Mi-li-mét vuông. Bảng đơn vị đo diện tích

● Ghi nhớ : $1\text{cm}^2 = 100\text{mm}^2$; $1\text{mm}^2 = \frac{1}{100}\text{cm}^2$

Lớn hơn mét vuông			Mét vuông	Bé hơn mét vuông		
km^2	hm^2	dam^2	m^2	dm^2	cm^2	mm^2
1km^2 $= 100\text{hm}^2$	1hm^2 $= 100\text{dam}^2$ $= \frac{1}{100}\text{km}^2$	1dam^2 $= 100\text{m}^2$ $= \frac{1}{100}\text{hm}^2$	1m^2 $= 100\text{dm}^2$ $= \frac{1}{100}\text{dam}^2$	1dm^2 $= 100\text{cm}^2$ $= \frac{1}{100}\text{m}^2$	1cm^2 $= 100\text{mm}^2$ $= \frac{1}{100}\text{dm}^2$	1mm^2 $= \frac{1}{100}\text{cm}^2$

b) Nhận xét : Hai đơn vị đo khối lượng liên nhau :

– Mỗi đơn vị đo diện tích gấp 100 lần đơn vị bé hơn tiếp liền.

– Mỗi đơn vị đo diện tích bằng $\frac{1}{100}$ đơn vị lớn hơn tiếp liền.

❶ a) Đọc các số đo diện tích :

29 mm^2 :

.....
....

305 mm^2 :

.....
..

1200 mm^2 :

.....

b) Viết các số đo diện tích :

a) Một trăm sáu mươi tám mi-li-mét vuông :

.....

b) Hai nghìn ba trăm mười mi-li-mét vuông :

.....

❷ Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $5\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

$1\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

12km^2

$= \dots\dots\dots \text{hm}^2$ $5\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$1\text{hm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$12\text{m}^2 9\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$7\text{hm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$37\text{dam}^2 24\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

b) $800\text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$3400\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$12\ 000\text{hm}^2$
 hm^2

$= \dots\dots\dots \text{km}^2$ $90\ 000\text{m}^2 = \dots\dots\dots$

$150\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 \dots\dots\dots \text{cm}^2$ $2010\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 \dots\dots\dots \text{m}^2$

③ Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm :

$$1\text{mm}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{cm}^2$$

$$1\text{dm}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{m}^2$$

$$8\text{mm}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{cm}^2$$

$$7\text{dm}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{m}^2$$

$$29\text{mm}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{cm}^2$$

$$34\text{dm}^2 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{m}^2$$

Bài 26 : Luyện tập

❶ a) Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là mét vuông (theo mẫu) :

Mẫu : $6\text{m}^2\ 35\text{dm}^2 = 6\text{m}^2 + \frac{35}{100}\text{m}^2 = 6\frac{35}{100}\text{m}^2$

$$8\text{m}^2\ 27\text{dm}^2 = \dots\dots \text{m}^2 + \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{m}^2 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{m}^2$$

$$16\text{m}^2\ 9\text{dm}^2 = \dots\dots \text{m}^2 + \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{m}^2 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{m}^2$$

$$26\text{dm}^2 = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{m}^2$$

b) Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là đề-xi-mét vuông :

$$4\text{dm}^2\ 65\text{cm}^2 = \dots\dots \text{dm}^2 + \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{dm}^2 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{dm}^2$$

$$95\text{cm}^2 = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{dm}^2$$

$$102\text{dm}^2\ 8\text{cm}^2 = \dots\dots \text{dm}^2 + \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{dm}^2 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}\text{dm}^2$$

❷ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng : $3\text{cm}^2\ 5\text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là :

A. 35

B. 305

C. 350

D. 3500

❸

>
<
=

 ? ~~2dm² 7cm²~~ ... 207cm² ~~3m² 48dm²~~ ... 4m²
300mm² ... ~~2cm² 89mm²~~ ~~61km²~~ ... 610hm²

❹ Để lát nền một căn phòng, người ta đã dùng vừa hết 150 viên gạch hình vuông có cạnh 40cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu mét vuông, biết diện tích phần gạch vừa không đáng kể ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 27 : Héc – ta

● Ghi nhớ :

Thông thường khi đo diện tích ruộng đất người ta còn dùng đơn vị *héc – ta*.

Héc – ta viết tắt là ha.

$$1\text{ha} = 1\text{hm}^2 \quad ; \quad 1\text{ha} = 10\,000\text{m}^2$$

❶ a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4 ha = m² $\frac{1}{2}$ ha = m²

20 ha = m² $\frac{1}{100}$ ha = m²

1km² = ha $\frac{1}{100}$ km² = ha

15km² = ha $\frac{3}{4}$ km² = ha

b) 60 000m² = ha 1800ha = km²

800 000m² = ha 27 000ha = km²

❷ Diện tích rừng Cúc Phương là 22 200ha. Hãy viết số đo diện tích khu rừng đó dưới dạng số đo đơn vị là ki-lô-mét vuông.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

❸ Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) $85\text{km}^2 < 850\text{ha}$ ☐ b) $51\text{ha} > 60\,000\text{m}^2$ ☐
c) $4\text{dm}^2 7\text{cm}^2 = 4\frac{7}{10}\text{dm}^2$ ☐
.....

❹ Diện tích một trường đại học là 12ha. Tòa nhà chính của trường được xây dựng trên mảnh đất có diện tích bằng $\frac{1}{40}$ diện tích của trường. Hỏi diện tích mảnh đất dùng để xây tòa nhà đó là bao nhiêu mét vuông ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 28 : Luyện tập

❶ a) Viết các số đo sau dưới dạng số đo đơn vị là mét vuông :

a) 5 ha = m² 2km² = m²

b) 400dm² = m² 1500dm² = m²

70 000cm² = m²

c) 26m² 17dm² = m² 90m² 5dm² = m²

35dm² = m²

❷ Điền dấu <, >, = :

2m² 9dm² 29dm²

790ha 79km²

8dm² 5cm²

..... 810cm² 4cm² 5mm² 4 $\frac{5}{100}$ cm²

❸ Người ta dùng đồ gỗ để lát sàn một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 6m, chiều rộng 4m. Hỏi phải tốn bao nhiêu tiền mua gỗ để lát sàn căn phòng đó, biết giá tiền 1m² gỗ sàn là 280 000 đồng ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❹ Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 200m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Hỏi diện tích khu đất đó bằng bao nhiêu mét vuông, bao nhiêu héc-ta ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 29 : Luyện tập chung

❶ Để lát nền một căn phòng hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 30cm. Hỏi cần có bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó, biết rằng căn phòng có chiều rộng 6m, chiều dài 9m ? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❷ Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 80m, chiều rộng $\frac{1}{2}$ chiều dài.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó ?

b) Biết rằng, cứ 100m² thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❸ Một mảnh đất có hình vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000 là hình chữ nhật với chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm. Tính diện tích mảnh đất đó với đơn vị đo là mét vuông.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

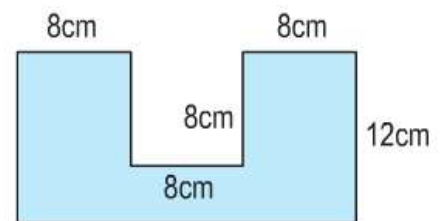
Diện tích miếng bìa có kích thước theo hình vẽ bên là :

A. 96cm^2

B. 192cm^2

C. 224cm^2

D. 288cm^2



Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 30 : Luyện tập chung

❶ Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

a) $\frac{32}{35}$; $\frac{18}{35}$; $\frac{31}{35}$; $\frac{28}{35}$

b) $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{1}{12}$

Xếp lại : Xếp lại :
.....

❷ Tính :

a) $\frac{3}{4} + \frac{2}{3} + \frac{5}{12} =$ b) $\frac{7}{8} - \frac{7}{16} - \frac{11}{32} =$
= =

c) $\frac{3}{5} \times \frac{2}{7} \times \frac{5}{6} =$ b) $\frac{15}{16} : \frac{3}{8} \times \frac{3}{4} =$
= =

❸ Diện tích một khu nghỉ mát là 5ha, trong đó có $\frac{3}{10}$ diện tích là hồ nước. Hỏi diện tích hồ nước là bao nhiêu mét vuông ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❹ Năm nay tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người, biết bố hơn con 30 tuổi.

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

[illegible]

Bài 31 : Luyện tập chung

❶

a) 1 gấp bao nhiêu lần $\frac{1}{10}$? - 1 gấp lần $\frac{1}{10}$

b) $\frac{1}{10}$ gấp bao nhiêu lần $\frac{1}{100}$? - $\frac{1}{10}$ gấp lần $\frac{1}{100}$

c) $\frac{1}{100}$ gấp bao nhiêu lần $\frac{1}{1000}$? - $\frac{1}{100}$ gấp lần $\frac{1}{1000}$

❷ Tìm x :

a) $x + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$

b) $x - \frac{2}{5} = \frac{2}{7}$

c) $x \times \frac{3}{4} = \frac{9}{20}$

d) $x : \frac{1}{7} = 14$

.....

❸ Một vòi nước chảy vào bể. Giờ đầu chảy vào được $\frac{2}{15}$ bể, giờ thứ hai chảy vào được $\frac{1}{5}$ bể. Hỏi trung bình mỗi giờ vòi nước đó chảy vào được bao nhiêu phần của bể ?

Bài giải

.....

❹ Trước đây mua 5m vải phải trả 60 000 đồng. Hiện nay giá bán mỗi mét vải đã giảm 2000 đồng. Hỏi với 60 000 đồng, hiện nay có thể mua được bao nhiêu mét vải như thế ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

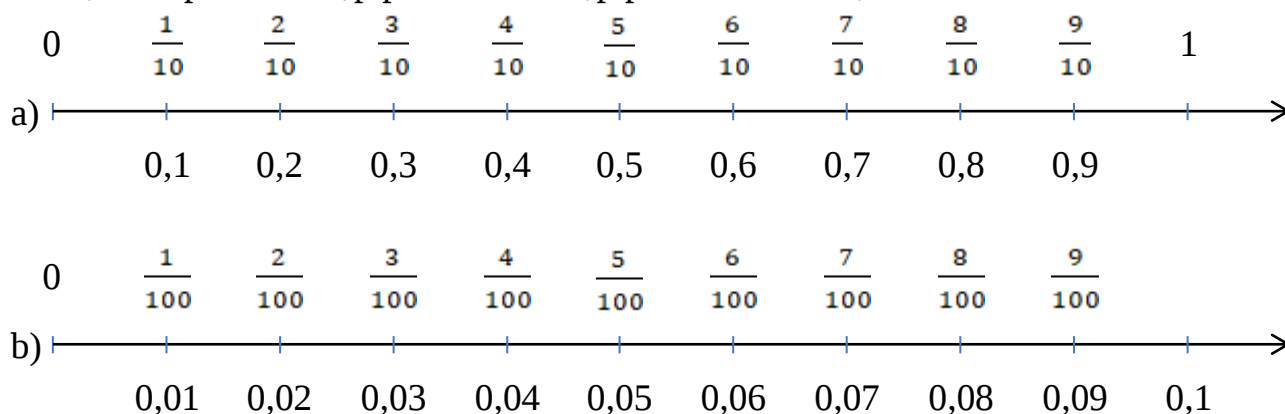
[illegible]

Thứ, ngày tháng năm 201...

To án

Bài 32 : Khái niệm số thập phân

❶ Đọc các phân số thập phân và số thập phân trên các vạch của tia số :



❷ Viết số thập thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

a) $7\text{dm} = \frac{7}{10}\text{m} = 0,7\text{m}$ b) $9\text{cm} = \frac{9}{100}\text{m} = 0,09\text{m}$

$5\text{dm} = \frac{5}{10}\text{m} = \dots\dots\dots \text{m}$ $3\text{cm} = \frac{3}{100}\text{m} = \dots\dots\dots \text{m}$

$2\text{mm} = \frac{2}{1000}\text{m} = \dots\dots\dots \text{m}$ $8\text{mm} = \frac{8}{1000}\text{m} = \dots\dots\dots \text{m}$

$4\text{g} = \frac{4}{1000}\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$ $6\text{g} = \frac{6}{1000}\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$

❸ Viết phân số thập phân và số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

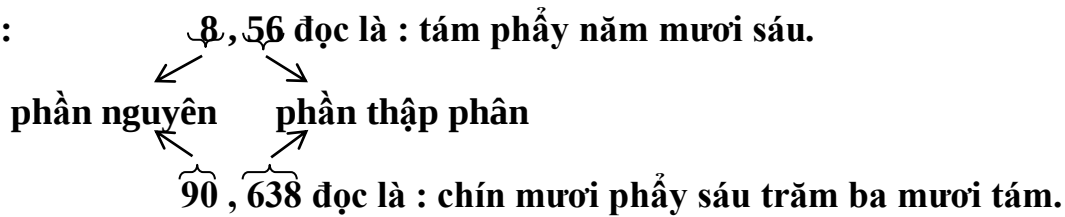
m	dm	cm	mm	Viết phân số thập phân	Viết số thập phân
0	5			$\frac{5}{10}\text{m}$	0,5m
0	1	2		$\frac{12}{100}\text{m}$	0,12m
0	3	5		 m	 m
0	0	9		 m	 m
0	7			 m	 m
0	6	8		 m	 m
0	0	0	1	 m	 m
0	0	5	6	 m	 m
0	3	7	5	 m	 m

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 33 : Khái niệm số thập phân (tiếp theo)

● Ghi nhớ :



❶ Đọc mỗi phân số thập phân sau :

9,4 đọc là

.....

...

7,98 đọc là :

.....

25,477 đọc là :

.....

206,075 đọc là :

.....

0,307 đọc là :

.....

❷ Viết các hỗn số sau thành số thập phân rồi đọc số đó :

$5\frac{9}{10} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

$82\frac{45}{100} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

$810\frac{225}{1000} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

❸ Viết các số thập phân sau thành phân số thập phân :

$0,1 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$; $0,02 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$; $0,004 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$; $0,095 = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$.

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 34 : Hàng của số thập phân . Đọc c , viết t số thập phân

● Ghi nhớ :

	Phần nguyên				Phần thập phân		
Số thập phân	3	7	5	,	4	0	6
Hàng	Trăm	Chục	Đơn vị		Phần mười	Phần trăm	Phần nghìn

- Số thập phân 375,406 đọc là : ba trăm bảy mươi lăm phẩy bốn trăm linh sáu.
- Phần nguyên gồm có : 3 trăm, 7 chục, 5 đơn vị.
- Phần thập phân gồm có : 4 phần mười, 0 phần trăm, 6 phần nghìn

❶ Đọc số thập phân; nêu phần nguyên, phần thập phân và giá trị theo vị trí của mỗi chữ số ở từng hàng.

a) 2,35 đọc là :

.....

- Phần nguyên gồm có : đơn vị.
- Phần thập phân gồm có : phần mười, phần trăm.

b) 301,80 đọc là :

.....

- Phần nguyên gồm có : trăm, chục, đơn vị.
- Phần thập phân gồm có : phần mười, phần trăm.

c) 1942,54 đọc là :

.....

- Phần nguyên gồm có : nghìn, trăm, chục, đơn vị.
- Phần thập phân gồm có : phần mười, phần trăm.

d) 0,032 đọc là :

.....

- Phần nguyên gồm có : đơn vị.
- Phần thập phân gồm có : phần mười, phần trăm, phần nghìn.

❷ Viết số thập phân có :

a) Năm đơn vị, chín phần mười :

.....

b) Hai mươi bốn đơn vị , một phần mười, tám phần trăm :

.....

c) Năm mươi lăm đơn vị, năm phần mười, năm phần trăm, năm phần nghìn :

.....

d) Hai nghìn không trăm linh hai đơn vị, tám phần trăm

:.....

e) Không đơn vị, một phần nghìn :

.....

❸ Viết các số thập phân sau thành hỗn số có chứa phân số thập phân (theo mẫu) :

Mẫu : $3,5 = 3 \frac{5}{10}$; $6,33 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$; $18,05 = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$; $217,908 = \dots\dots$

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 34 : Luyện tập

❶ a) Chuyển các phân số thập phân sau thành hỗn số (theo mẫu) :

Mẫu : $\frac{162}{10} = 16\frac{2}{10}$; $\frac{734}{10} = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$; $\frac{5608}{100} = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$; $\frac{605}{100} = \dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$

b) Chuyển hỗn số của phần a) thành số thập phân (theo mẫu) :

Mẫu : $16\frac{2}{10} = 16,2$; $\dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \dots\dots$; $\dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \dots\dots$; $\dots\dots \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \dots\dots$

❷ Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân rồi đọc các số thập phân đó :

$\frac{45}{10} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

$\frac{834}{10} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

$\frac{1954}{100} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

$\frac{2167}{1000} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

$\frac{2020}{10000} = \dots\dots\dots$ đọc là :

.....

❸ Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

Mẫu : $2,1\text{m} = 21\text{dm}$ $5,27\text{m} = \dots\dots \text{cm}$

$8,3\text{m} = \dots\dots \text{cm}$

$3,15\text{m} = \dots\dots \text{cm}.$

❹ a) Viết phân số $\frac{3}{5}$ dưới dạng phân số thập phân có mẫu số là 10 và có mẫu số là 100.

-Ta có : $\frac{3}{5} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \frac{\dots\dots}{\dots\dots}$.

b) Viết hai phân số thập phân mới tìm được thành hai số thập phân :

-Ta có : $\frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \dots\dots\dots$; $\frac{\dots\dots}{\dots\dots} = \dots\dots\dots$.

c) Có thể viết $\frac{3}{5}$ thành những số thập phân nào ?

-Ta có : $\frac{3}{5} = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$.

Bài 36 : Số thập phân bằng nhau

● Ghi nhớ : $0,9 = 0,90 = 0,900 = 0,9000$ hoặc $0,9000 = 0,900 = 0,90 = 0,9$

$8,75 = 8,750 = 8,7500 = 8,75000$ hoặc $8,75000 = 8,7500 = 8,750 = 8,75$

$12 = 12,0 = 12,00 = 12,000$ hoặc $12,000 = 12,00 = 12,0 = 12$

❶ Bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân để có các số thập phân viết dưới dạng gọn hơn :

a) $7,800 = \dots\dots\dots$; $64,9000 = \dots\dots\dots$; $3,0400 = \dots\dots\dots$

b) $2001,300 = \dots\dots\dots$; $35,020 = \dots\dots\dots$; $100,0100 = \dots\dots\dots$

❷ Viết thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của các số thập phân sau đây để các phần thập phân của chúng có số chữ số bằng nhau (đều có 3 chữ số) :

a) $5,612 = \dots\dots\dots$; $17,2 = \dots\dots\dots$; $480,59 = \dots\dots\dots$

b) $24,5 = \dots\dots\dots$; $80,01 = \dots\dots\dots$; $14,678 = \dots\dots\dots$

❸ Khi viết số thập phân 0,100 dưới dạng phân số thập phân, bạn Lan viết : $0,100 = \frac{100}{1000}$; bạn Mỹ viết $0,100 = \frac{10}{100}$; bạn Hùng viết $0,100 = \frac{1}{100}$. Ai viết đúng, ai viết sai ?
Tại sao ?

-Bạn Lan viết : $0,100 = \frac{100}{1000}$

.....

-Bạn Mỹ viết $0,100 = \frac{10}{100}$

.....

-Bạn Hùng viết $0,100 = \frac{1}{100}$

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 37 : So sánh hai số thập phân

● Ghi nhớ :

Ví dụ 1 : $8,1 > 7,9$ (vì phần nguyên có $8 > 7$)

-Trong hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Ví dụ 2 : $35,7 > 35,698$ (vì phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười có $7 > 6$)

-Trong hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, số thập phân nào có hàng phần mười lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Ví dụ 3 : $630,72 > 630,70$ (vì phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười bằng nhau, hàng phần trăm có $2 > 0$)

-Trong hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, có hàng phần mười bằng nhau, số thập phân nào có hàng phần trăm lớn hơn thì số đó lớn hơn.

❶ So sánh hai số thập phân :

a) $48,97 \dots\dots 51,02$

b) $96,4 \dots\dots 96,38$

c) $0,7 \dots\dots 0,65$

❷ Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn : 6,375; 9,01; 8,72; 6,735; 7,19.

-Xếp lại :

.....
....

❸ Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé : 0,32; 0,197; 0,4; 0,321; 0,187.

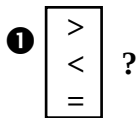
-Xếp lại :

.....
....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 38 : Luyện tập



84,2 84,19

47,5 47,500

6,843 6,85

90,6 89,6

❷ Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn : 5,7; 6,02; 4,23; 4,32; 5,3.

-Xếp lại :

.....
.....

❸ Tìm chữ số x , biết : $9,7x8 < 9,718$

-Vậy $x =$

.....
.....

❹ Tìm số tự nhiên x , biết :

a) $0,9 < x < 1,2$

b) $64,97 < x < 65,14$

-Vậy $x =$

-Vậy $x =$

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 39 : Luyện tập chung

❶ Đọc các số thập phân sau đây :

a) 7,5 đọc là

.....

28,416 đọc là :

.....

201,05 đọc là :

.....

0,187 đọc là :

.....

b) 36,2 đọc là

.....

9,001 đọc là

.....

84,302 đọc là :

.....

0,010 đọc là

.....

❷ Viết số thập phân có :

a) Năm đơn vị, bảy phần mười :

.....

b) Ba mươi hai đơn vị, tám phần mười, năm phần trăm :

.....

c) Không đơn vị, một phần trăm :

.....

d) Không đơn vị, ba trăm linh bốn phần nghìn :

.....

❸ Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn : 42,538; 41,835; 42,358; 41,538.

-Xếp lại :

.....

....

❹ Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $\frac{36 \times 45}{6 \times 5} = \frac{..... \times \times \times}{..... \times} =$

b) $\frac{56 \times 63}{9 \times 8} = \frac{..... \times \times \times}{..... \times} =$

Thứ , ngày tháng năm 201...

..... To án

Bài 40 : Viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân

● Ghi nhớ :

Ví dụ 1 : $6\text{m } 4\text{dm} = 6,4\text{m}$ (vì $6\text{m } 4\text{dm} = 6 \frac{4}{10} \text{m} = 6,4\text{m}$)

Ví dụ 2 : $3\text{m } 5\text{cm} = 3,05\text{m}$ (vì $3\text{m } 5\text{cm} = 3 \frac{5}{100} \text{m} = 3,05\text{m}$)

m	dm	cm
6,	4	
3,	0	5

❶ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) $8\text{m } 6\text{dm}$ = m b) $2\text{dm } 2\text{cm}$ =
..... dm

c) $3\text{m } 7\text{cm}$ = m d) $23\text{m } 13\text{cm}$ = m

❷ Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân :

a) Có đơn vị là mét :

$3\text{m } 4\text{dm}$ = m

$2\text{m } 5\text{cm}$ = m

$21\text{m } 36\text{cm}$ = m

b) Có đơn vị là đề-xi-mét :

$8\text{dm } 7\text{cm}$ = dm

$4\text{dm } 32\text{mm}$ = dm

73mm = dm

❸ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) $5\text{km } 302\text{m}$ = km

b) $5\text{km } 75\text{m}$ = km

c) 302m = km

..... **To án**

❶ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

- ②** Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

$$(\text{vì } 315\text{cm} = 300\text{cm} + 15\text{cm} = 3\text{m } 15\text{cm} = 3\frac{15}{100}\text{ m} = 3,15\text{m})$$

234cm = m ; 506cm = m ; 34dm = m .

- c) 307m = km

- 3,45km = m d) 34,3km =

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 42 : Viế t các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân

● Ghi nhớ :

Ví dụ : 5 tấn 132kg = 5,132kg (vì 5 tấn 132kg = $5 \frac{132}{1000}$ kg = 5,132kg)

tấn	tạ	yến	kg
5,	1	3	2

❶ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4 tấn 562kg = tấn
..... tấn

c) 12 tấn 6kg = tấn d) 500kg = tấn

② Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân :

a) Có đơn vị đo là ki-lô-gam :

2kg 50g = kg

45kg 23g = kg

10 kg 3g = kg

500 g = kg

b) Có đơn vị đo là tạ :

2 tạ 50kg = tạ

3 tạ 3kg = tạ

34kg = tạ

450kg = tạ

3 Trong vườn thú có 6 con sư tử. Trung bình mỗi ngày một con ăn hết 9kg thịt. Hỏi cần bao nhiêu tấn thịt để nuôi số sư tử đó trong 30 ngày ?

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

Toán

Bài 43 : Viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân

● Ghi nhớ :

Ví dụ 1 : $3\text{m}^2 5\text{dm}^2 = 3,05\text{m}^2$ (vì $3\text{m}^2 5\text{dm}^2 = 3 \frac{5}{100} \text{m}^2 = 3,05\text{m}^2$)

Ví dụ 2 : $42\text{dm}^2 = 0,42\text{m}^2$ (vì $42\text{dm}^2 = \frac{42}{100} \text{m}^2 = 0,42\text{m}^2$)

m^2	dm^2	cm^2	mm^2
3,	0 5		
0,	4 2		

❶ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) $56\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

b) $17\text{dm}^2 23\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

c) 23cm^2
 $\dots\dots\dots \text{cm}^2$

$= \dots\dots\dots \text{dm}^2$ d) $2\text{cm}^2 5 \text{mm}^2 =$

❷ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) $1654\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$

b) $5000\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$

c) $1\text{ha} = \dots\dots\dots \text{km}^2$

d) $15\text{ha} = \dots\dots\dots \text{km}^2$

❸ Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $5,34\text{km}^2$
 $\dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$= \dots\dots\dots \text{ha}$ b) $16,5\text{m}^2 =$

c) $6,5\text{km}^2$
 $\dots\dots\dots \text{m}^2$

$= \dots\dots\dots \text{ha}$ d) $7,6256\text{ha} =$

..... **To án**

❶ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

b) $56\text{m } 29\text{cm} = \dots\dots\dots \text{dm}$

d) 4352m = km

a) 500g = kg

b) 347g = kg

c) 1,5 tấn = kg

a) $7\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$; $4\text{ha} = \dots\dots\dots \text{m}^2$; $8,5\text{ha} = \dots\dots\dots \text{m}^2$

b) $30\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$; $300\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$; $515\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 45 : Luyện tập chung

❶ Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị là mét :

a) $3\text{m } 6\text{dm} = \dots\dots\dots \text{m}$ b) $4\text{dm} = \dots\dots\dots \text{m}$

c) $34\text{m } 5\text{cm} = \dots\dots\dots \text{m}$ d) $345\text{cm} = \dots\dots\dots \text{m}$

❷ Viết số đo thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Đơn vị đo là tấn	Đơn vị đo là ki-lô-gam
3,2 tấn	3200kg
..... tấn	502kg
2,5 tấn	kg
..... tấn	21kg

❸ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) $42\text{dm } 4\text{cm} = \dots\dots\dots \text{dm}$; b) $56\text{cm } 9\text{mm} = \dots\dots\dots$
cm ; c) $26\text{m } 2\text{cm} = \dots\dots\dots \text{m}$

❹ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) $3\text{kg } 5\text{g} = \dots\dots\dots \text{kg}$ b) $30\text{g} = \dots\dots\dots \text{kg}$ c) $1103\text{g} = \dots\dots\dots \text{kg}$

❺ Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Túi cam cân nặng :

a) kg ;

b) g.



Tuần 10 Thứ , ngày tháng năm 201...

..... **To án**

Bài 46 : Luyện tập chung

❶ Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân rồi đọc các số thập phân đó :

a) $\frac{127}{10} =$ đọc là :

.....

b) $\frac{65}{100} =$ đọc là :

.....

c) $\frac{2005}{1000} =$ đọc là :

.....

d) $\frac{8}{1000} =$ đọc là :

.....

❷ Trong các số đo độ dài dưới đây, những số nào bằng 11,02km ?

a) 11,20km ; b) 11,020km ; c) 11km 20m ; d) 11 020m .

❸ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4m 85cm = m

b) 72ha = km²

❹ Mua 12 hộp đồ dùng học toán hết 180 000 đồng. Hỏi mua 36 hộp đồ dùng học toán như thế hết bao nhiêu tiền ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 47 : Kiểm tra định kì giữa Học kì 1

Phần 1 : Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất :

Bài 1 : Chữ số 5 trong số 20,571 có giá trị là :

- A. $\frac{5}{10}$ B. $\frac{5}{100}$ C. 5 D. 500

Bài 2 : Số thập phân 2,37 viết dưới dạng hỗn số là :

- A. $\frac{237}{100}$ B. $2\frac{37}{100}$ C. $23\frac{7}{10}$ D. $2\frac{37}{1000}$

Bài 3 : Số lớn nhất trong các số : 4,639 ; 4,936 ; 4,369 ; 4,96 là :

- A. 4,639 B. 4,936 C. 4,369 D. 4,96

Bài 4 : $6\text{m}^2\ 25\text{dm}^2 = \dots\dots \text{m}^2$. Số đo diện tích thích hợp viết vào chỗ chấm là :

- A. $6\frac{25}{10}$ B. $6\frac{25}{100}$ C. $6\frac{25}{1000}$ D. $62\frac{5}{100}$

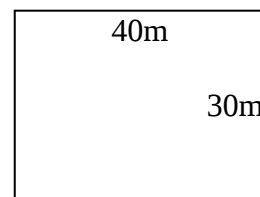
Bài 5 : Số thập phân 0,008 đọc là :

- A. Không phải tám C. Không phải không không tám
B. Không phải không tám D. Không phải không trăm linh tám

Bài 6 : Một mảnh đất hình chữ nhật có số đo như hình vẽ.

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó là :

- A. 0,12ha C. 1,20ha
B. 0,12km² D. 12km²



Phần 2 : Phần tự luận :

Bài 1 : Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

- a) $3,6\text{km} < 3\text{km}\ 6\text{hm}$ ☐ b) $3\text{tấn}\ 6\text{kg} = 3006\text{kg}$ ☐
c) $\frac{100}{36}$ là phân số thập phân ☐ d) $\frac{2}{5}$ của 30m là 12m ☐

Bài 2 : a) Tìm **X** , biết :

$$\mathbf{X} + \frac{7}{9} = 2\frac{1}{3}$$

b) Tính bằng cách thuận tiện nhất :

$$1\frac{3}{4} \times \frac{9}{4} - 1\frac{3}{4} \times \frac{5}{4}$$

.....
.....
.....
.....

.....

.....

Bài 3 : Một thửa ruộng hình bình hành có tổng độ dài đáy và chiều cao là 250m, độ dài đáy hơn chiều cao là 40m.

a) Tính diện tích thửa ruộng hình bình hành.

b) Người ta trồng khoai trên thửa ruộng đó, cứ 100m^2 thu được 400kg khoai. Hỏi cả thửa ruộng thu được bao nhiêu tạ khoai ?

Bài giải

[illegible]

Bài 4 : Tìm hai số có trung bình cộng bằng 126, biết rằng số lớn bằng $\frac{5}{2}$ số bé.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 48 : Cộng hai số thập phân

● Ghi nhớ :

$$\begin{array}{r} 1,84 \\ + 2,45 \\ \hline 4,29 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15,9 \\ + 8,75 \\ \hline 24,65 \end{array}$$

❶ Tính :

$$\text{a) } \begin{array}{r} 58,2 \\ + 24,3 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{b) } \begin{array}{r} 19,36 \\ + 4,08 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{c) } \begin{array}{r} 75,8 \\ + 249,19 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{d) } \begin{array}{r} 0,995 \\ + 0,868 \\ \hline \end{array}$$

❷ Đặt tính rồi tính :

$$\text{a) } 7,8 + 9,6$$

$$\text{b) } 34,82 + 9,75$$

$$\text{c) } 57,648 + 35,37$$

❸ Nam cân nặng 32,6kg. Tiến cân nặng hơn Nam 4,8kg. Hỏi Tiến cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Bài giải

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 49 : Luyện tập

❶ Tính rồi so sánh giá trị $a + b$ và $b + a$:

a	5,7	14,9	0,53
b	6,24	4,36	3,09
a + b	5,7 + 6,24 = 11,94		
b + a	6,24 + 5,7 = 11,94		

❷ Thực hiện phép cộng rồi dùng tính chất giao hoán để thử lại :

a) $9,46 + 3,8$

b) $45,08 + 24,97$

c) $0,07 + 0,09$

.....
.....
.....
.....
.....

❸ Một hình chữ nhật có chiều rộng 16,34m, chiều dài hơn chiều rộng 8,32m. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❹ Một cửa hàng tuần lễ đầu bán được 314,78m vải, tuần lễ sau bán được 525,22m vải. Biết rằng cửa hàng đó bán hàng tất cả các ngày trong tuần, hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải ?

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 50 : Tổng nhiều số thập phân

● Ghi nhớ :

$$\begin{array}{r} 27,5 \\ + 36,75 \\ \hline 78,75 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 15,9 \\ + 8,75 \\ \hline 56,65 \end{array}$$

❶ Tính :

a) $5,27 + 14,35 + 9,25$ b) $6,4 + 18,36 + 52$ c) $20,08 + 32,91 + 7,15$ d) $0,75 + 0,09 + 0,8$

..... 			
--	--	--	--

❷ Tính rồi so sánh giá trị $(a + b) + c$ và $a + (b + c)$:

a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$
2,5	6,8	1,2		
				
				
1,3 4	0,5 2	4		
				
				

❸ Sử dụng tính chất giao hoán và tính chất kết hợp để tính :

a) $12,7 + 5,89 + 1,3$

=

=

=

b) $38,6 + 2,09 + 7,91$

=

=

=

c) $5,75 + 7,8 + 4,25 + 1,2$

=

d) $7,34 + 0,45 + 2,66 + 0,55$

=

=

=

=

=

Bài 51 : Luyện tập

❶ Tính :

a) $15,32 + 41,69 + 8,44$

b) $27,05 + 9,38 + 11,23$

.....

❷ Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $4,68 + 6,03 + 3,97$

b) $6,9 + 8,4 + 3,1 + 0,2$

=

=

=

=

=

=

c) $3,49 + 5,7 + 1,51$

d) $4,2 + 3,5 + 4,5 + 6,8$

=

=

=

=

=

=

❸

>
<
=

 ?

$3,6 + 5,8 \dots\dots 8,9$

$5,7 + 8,8 \dots\dots 14,5$

$7,56 \dots\dots 4,2 + 3,4$

$0,5 \dots\dots 0,08 + 0,4$

❹ Một người thợ dệt ngày thứ nhất dệt được 28,4m vải, ngày thứ hai dệt nhiều hơn ngày thứ nhất 2,2m vải, ngày thứ ba dệt nhiều hơn ngày thứ hai 1,5m vải. Hỏi cả ba ngày người đó dệt được bao nhiêu mét vải ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 52 : Trừ hai số thập phân

● Ghi nhớ : $4,29 - 1,84 = ?$ $45,8 - 19,26 = ?$ $58 - 7,96 = ?$

$$\begin{array}{r} 4,29 \\ - 1,84 \\ \hline 2,45 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45,80 \\ - 19,26 \\ \hline 26,54 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 58,00 \\ - 7,96 \\ \hline 50,04 \end{array}$$

❶ Tính :

a) $\begin{array}{r} 68,4 \\ - 25,7 \\ \hline \end{array}$

b) $\begin{array}{r} 46,8 \\ - 9,34 \\ \hline \end{array}$

c) $\begin{array}{r} 50,81 \\ - 19,256 \\ \hline \end{array}$

❷ Đặt tính rồi tính :

a) $72,1 - 30,4$

b) $5,12 - 0,68$

c) $69 - 7,85$

❸ Một thùng đựng 28,75kg đường. Người ta lấy từ thùng đó ra 10,5kg đường, sau đó lại lấy ra 8kg đường nữa. Hỏi trong thùng còn bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

Bài giải

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 53 : Luyện tập

❶ Đặt tính rồi tính :

- a) $68,72 - 29,91$ b) $52,37 - 8,64$ c) $75,5 - 30,26$ d) $60 - 12,45$

❷ Tìm x :

- a) $x + 4,32 = 8,67$ b) $6,85 + x = 10,29$

- c) $x - 3,64 = 5,86$ d) $7,9 - x = 2,5$

❸ Ba quả dưa cân nặng 14,5kg. Quả thứ nhất cân nặng 4,8 kg, quả thứ hai nhẹ hơn quả thứ nhất 1,2 kg. Hỏi quả thứ ba cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Bài giải

.....

❷ a) Tính rồi so sánh giá trị của $a - b - c$ và $a - (b + c)$:

a	b	c	$a - b - c$	$a - (b + c)$
8,9	2,3	3,5		
12,3 8	4,3	2,08		
16,7 2	8,4	3,6		

b) Tính bằng hai cách :

$$8,3 - 1,4 - 3,6$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$8,3 - 1,4 - 3,6$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots =$$

.....

$$18,64 - (6,24 + 10,5)$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$18,64 - (6,24 + 10,5)$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots =$$

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 54 : Luyện tập chung

❶ Tính :

a) $605,26 + 217,3$

b) $800,56 - 384,48$

c) $16,39 + 5,25 - 10,3$

❷ Tìm x :

Mẫu : $x - 1,2 = \underbrace{0,9 + 0,8}_{1,7}$

a) $x - 5,2 = 1,9 + 3,8$

b) $x + 2,7 = 8,7 + 4,9$

..... $x - 1,2 = 1,7$

..... $x = 1,7 + 1,2$

..... $x = 2,9$

❸ Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $12,45 + 6,98 + 7,55$

b) $42,37 - 28,73 - 11,27$

= =

.....

= =

.....

= =

.....

❹ Một người đi xe đạp trong ba giờ đi được 36km. Giờ thứ nhất người đó đi được 13,25km, giờ thứ hai người đó đi được ít hơn giờ thứ nhất 1,5km. Hỏi giờ thứ ba người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tổng của ba số bằng 8. Tổng của số thứ nhất và số thứ hai bằng 4,7. Tổng của số thứ hai và số thứ ba bằng 5,5. Hãy tìm mỗi số đó.

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 55 : Nhân một số thập phân với một số tự nhiên

- Ghi nhớ : $1,2 \times 3 = ?$ $0,46 \times 12 = ?$ $7,965 \times 10 = ?$

$$\begin{array}{r} 1,2 \\ \times 3 \\ \hline 3,6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0,46 \\ \times 12 \\ \hline 092 \\ 46 \\ \hline 5,52 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7,965 \\ \times 10 \\ \hline 79,650 \end{array}$$

Muốn Nhân một số thập phân với một số tự nhiên ta làm như sau :

-Nhân như nhân các số tự nhiên.

-Đếm xem trong phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu

phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

❶ Đặt tính rồi tính :

a) $2,5 \times 7$

b) $4,18 \times 5$

c) $0,256 \times 8$

d) $6,8 \times 15$

❷ Viết số thích hợp vào ô trống :

Thừa số	3,18	8,07	2,389
Thừa số	3	5	10
Tích			

❸ Một ô tô mỗi giờ đi được 42,6km. Hỏi trong 4 giờ ô tô đi được bao nhiêu ki-lô-mét ?

Tóm tắt

Bài giải

Tuần 12 Thứ , ngày tháng năm 201...

..... **To án**

Bài 56 : Nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, ...

● Ghi nhớ : $27,867 \times 10 = ?$ $53,286 \times 100 = ?$ $0,472 \times 1000 = ?$

$$\begin{array}{r} 27,867 \\ \times \quad 10 \\ \hline 278,670 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53,286 \\ \times \quad 100 \\ \hline 5328,600 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0,472 \\ \times \quad 1\,000 \\ \hline 472,000 \end{array}$$

Muốn Nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, ... chữ số.

❶ Nhân nhẩm :

a) $1,4 \times 10 = \dots\dots\dots$ b) $9,63 \times 10 = \dots\dots\dots$ c) $5,328 \times 10 = \dots\dots\dots$
 $2,1 \times 100 = \dots\dots\dots$ $25,08 \times 100 = \dots\dots\dots$ $4,061 \times 100 = \dots\dots\dots$
 $7,2 \times 1000 = \dots\dots\dots$ $5,32 \times 1000 = \dots\dots\dots$ $0,894 \times 1000 = \dots\dots\dots$
.....

❷ Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là xăng-ti-mét :

$10,4 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

$12,6 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

$0,856 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

$5,75 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

❸ Một can nhựa chứa 10 lít dầu hỏa. Biết một lít dầu hỏa cân nặng 0,8kg, can rỗng cân nặng 1,3 kg. Hỏi can dầu hỏa đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?



Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 57 : Luyện tập

❶ a) Tính nhẩm :

$$1,48 \times 10 = \dots\dots\dots 5,12 \times 100 = \dots\dots\dots 2,571 \times 1000 =$$

.....

$$15,5 \times 10 = \dots\dots\dots 0,9 \times 100 = \dots\dots\dots$$

$$0,1 \times 1000 = \dots\dots\dots$$

` b) Số 8,05 phải nhân với số nào để được tích là : 80,5 ; 805 ; 8050 ; 80500 ?

$$8,05 \times \dots\dots\dots = 80,5 \qquad 8,05 \times \dots\dots\dots = 805$$

$$8,05 \times \dots\dots\dots = 8050 \qquad 8,05 \times \dots\dots\dots = 80500$$

❷ Đặt tính rồi tính :

$$\text{a) } 7,69 \times 50 \qquad \text{b) } 12,6 \times 800 \qquad \text{c) } 12,82 \times 40 \qquad \text{d) } 82,14 \times 600$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❸ Một người đi xe đạp, trong 3 giờ đầu mỗi giờ đi được 10,8km, trong 4 giờ tiếp theo mỗi giờ đi được 9,52km. Hỏi người đó đã đi được tất cả bao nhiêu ki-lô-mét ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

④ Tìm số tự nhiên x , biết : $2,5 \leq x < 7$

Nếu $x = 0$ thì $2,5 \leq \dots = \dots \leq 7$ (.....)

Nếu $x = 1$ thì $2,5 \leq \dots = \dots \leq 7$ (.....)

Nếu $x = 2$ thì $2,5 \leq \dots = \dots \leq 7$ (.....)

Nếu $x = 3$ thì $2,5 \leq \dots = \dots \leq 7$ (.....)

Vậy $x = \dots$

.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 58 : Nhân một số thập phân với một số thập phân

● Ghi nhớ : $6,4 \times 4,8 = ?$ $4,75 \times 1,3 = ?$

$$\begin{array}{r} 6,4 \\ \times 4,8 \\ \hline 512 \\ 256 \\ \hline 30,72 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4,75 \\ \times 1,3 \\ \hline 1425 \\ 475 \\ \hline 6,175 \end{array}$$

Muốn Nhân một số thập phân với một số thập phân ta làm như sau :

-Nhân như nhân các số tự nhiên.

-Đếm xem trong phần thập phân của hai thừa số có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

❶ Đặt tính rồi tính :

a) $25,8 \times 1,5$ b) $16,25 \times 6,7$ c) $0,24 \times 4,7$ d) $7,826 \times 4,5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❷ a) Tính rồi so sánh giá trị của $a \times b$ và $b \times a$:

a	b	$a \times b$	$b \times a$
2,36	4,2		
3,05	2,7		

Nhận xét : Phép nhân các số thập phân có tính chất giao hoán :

Khi đổi chỗ hai thừa số của một tích thì tích không thay đổi.

$$a \times b = b \times a$$

b) Viết ngay kết quả tính :

$$4,34 \times 3,6 = 15,624$$

$$9,04 \times 16 = 144,64$$

$$3,6 \times 4,34 = \dots\dots\dots$$

$$16 \times 9,04 = \dots\dots\dots$$

tích vườn cây đó.

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 59 : Luyện tập

❶ a) Ví dụ :

● $142,57 \times 0,1 = ?$

$$\begin{array}{r} 142,57 \\ \times \quad 0,1 \\ \hline 14,257 \end{array}$$

$142,57 \times 0,1 = 14,257$

Nhận xét : Nếu chuyển dấu phẩy của số 142,57 sang bên trái một chữ số ta cũng được 14,257

● $531,75 \times 0,01 = ?$

$$\begin{array}{r} 531,75 \\ \times \quad 0,01 \\ \hline 5,3175 \end{array}$$

$531,75 \times 0,01 = 5,3175$

Nhận xét : Nếu chuyển dấu phẩy của số 531,75 sang bên trái một chữ số ta cũng được 5,3175

Khi nhân một số thập phân với 0,1 ; 0,01 ; 0,001 ; ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

b) Tính nhẩm :

$579,8 \times 0,1 = \dots\dots\dots$ $38,7 \times 0,1 = \dots\dots\dots$ $6,7 \times 0,1 = \dots\dots\dots$

$805,13 \times 0,01 = \dots\dots\dots$ $67,19 \times 0,01 = \dots\dots\dots$
 $\dots\dots\dots 3,5 \times 0,01 = \dots\dots\dots$

$362,5 \times 0,001 = \dots\dots\dots$ $20,25 \times 0,001 = \dots\dots\dots$
 $\dots\dots\dots 5,6 \times 0,001 = \dots\dots\dots$

❷ Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là ki-lô-mét vuông :

$1000 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$ $125 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

$12,5 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$ $3,2 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

❸ Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Phan Thiết đo được 19,8cm. Hỏi độ dài thật của quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Phan Thiết dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 60 : Luyện tập

❶ a) Tính rồi so sánh giá trị của $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$:

a	b	c	$(a \times b) \times c$	$a \times (b \times c)$
2, 5	3, 1	0, 6		
1, 6	4	2, 5		
4, 8	2, 5	1, 3		

Nhận xét : Phép nhân các số thập phân có tính chất kết hợp :

Khi nhân một tích hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của hai số còn lại.

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

b) Tính bằng cách thuận tiện nhất :

$$9,65 \times 0,4 \times 2,5 = \dots\dots\dots 7,38 \times 1,25$$

$$\times 80 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots =$$

$$\dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots =$$

$$\dots\dots\dots$$

$$0,25 \times 40 \times 9,84 = \dots\dots\dots 34,3 \times 5 \times$$

$$0,4 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots =$$

$$\dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots =$$

$$\dots\dots\dots$$

❷ Tính :

a) $(28,7 + 34,5) \times 2,4$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

b) $28,7 + 34,5 \times 2,4$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

❸ Một người đi xe đạp mỗi giờ đi được 12,5km. Hỏi trong 2,5 giờ người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

..... **To án**

❶ Đặt tính rồi tính :

c) $48,16 \times 3,4$

[illegible]

=..... c) $0,68 \times 10$

$$= \dots\dots\dots 0,68 \times 0,1$$

Bài giải

[illegible]

4 a) Tính rồi so sánh giá trị của $(a + b) \times c$ và $a \times b + b \times c$:

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 62 : Luyện tập chung

❶ Tính :

a) $375,84 - 95,69 + 36,78$

b) $7,7 + 7,3 \times 7,4$

❷ Tính bằng hai cách :

a) $(6,75 + 3,25) \times 4,2$

b) $(9,6 - 4,2) \times 3,6$

$(6,75 + 3,25) \times 4,2$

$(9,6 - 4,2) \times 3,6$

❸ a) Tính bằng cách thuận tiện nhất :

$0,12 \times 400$

$4,7 \times 5,5 - 4,7 \times 4,5$

=

=

=

=

=

=

b) Tính nhẩm kết quả tìm x :

$5,4 \times x = 5,4$

$9,8 \times x = 6,2 \times 9,8$

❹ Mua 4m vải phải trả 60 000 đồng. Hỏi mua 6,8m vải cùng loại phải trả nhiều hơn bao nhiêu tiền ?

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 63 : Chia một số thập phân cho một số tự nhiên

● Ghi nhớ :

$$\begin{array}{r} 8,4 \overline{) 4} \\ 04 \overline{) 2,1} \\ 0 \end{array}$$

- 8 chia 4 được 2, viết 2 ;
2 nhân 4 bằng 8 ; 8 trừ 8 bằng 0, viết 0.
- Viết dấu phẩy vào bên phải 2.
- Hạ 4 ; 4 chia 4 được 1, viết 1 ;
1 nhân 4 bằng 4 ; 4 trừ 4 bằng 0, viết 0.

$$\begin{array}{r} 72,58 \overline{) 19} \\ 155 \overline{) 3,82} \\ 038 \\ 0 \end{array}$$

- 72 chia 19 được 3, viết 3 ;
3 nhân 19 bằng 57 ; 72 trừ 57 bằng 15, viết 15.
- Viết dấu phẩy vào bên phải 3.
- Hạ 5 ; 155 chia 19 được 8, viết 8 ;
8 nhân 19 bằng 152 ; 155 trừ 152 bằng 3, viết 3.
- Hạ 8 ; 38 chia 19 được 2, viết 2 ;
2 nhân 19 bằng 38 ; 38 trừ 38 bằng 0, viết 0.

Cách 1 :

$$\begin{array}{r} 0,54 \overline{) 9} \\ 0 \overline{) 0,06} \end{array}$$

Cách 2 :

$$\begin{array}{r} 0,54 \overline{) 9} \\ 05 \overline{) 0,06} \\ 54 \\ 0 \end{array}$$

❶ Đặt tính rồi tính :

a) $5,28 : 4$

b) $95,2 : 68$

c) $0,36 : 9$

d) $75,52 : 32$

❷ Tìm x :

a) $x \times 3 = 8,4$

b) $5 \times x = 0,25$

❸ Một người đi xe máy trong 3 giờ đi được 126,54km. Hỏi trung bình mỗi giờ người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 64 : Luyện tập

❶ Đặt tính rồi tính :

$67,2 : 7$

$3,44 : 4$

$42,7 : 7$

$46,827 : 9$

❷ Tìm số dư của phép chia sau :

$$\begin{array}{r} 22,44 \overline{) 18} \\ 44 \overline{) 1,24} \\ 84 \\ 12 \end{array}$$

Trong phép chia này,
thương là 1,24 ;
số dư là **0,12**.

Thử lại :

$1,24 \times 18 + 0,12 = 22,44$

$$\begin{array}{r} 43,19 \overline{) 21} \\ 119 \overline{) 2,05} \\ 14 \end{array}$$

Trong phép chia này,
thương là ;
số dư là

Thử lại :

❸ Đặt tính rồi tính :

$$\begin{array}{r} 21,3 \overline{) 5} \\ 13 \overline{) 4,26} \\ 30 \\ 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25,47 \overline{) 30} \\ 254 \overline{) 0,849} \\ 147 \\ 270 \\ 0 \end{array}$$

$a) 26,5 : 25$

$b) 12,24 : 20$

Chú ý : Khi chia số thập phân cho số tự nhiên mà còn dư, ta có thể chia tiếp bằng cách : viết thêm chữ số 0 vào bên phải số dư rồi tiếp tục chia.

❹ Có 8 bao gạo cân nặng 243,2kg. Hỏi 12 bao như thế cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 65 : Chia một số thập phân cho 10, 100, 1000...

● **Ghi nhớ :**

a)
$$\begin{array}{r} 213,8 \overline{) 10} \\ 13 \overline{) 21,38} \\ 38 \\ \underline{80} \\ 0 \end{array}$$
 Nhận xét : Nếu chuyển dấu phẩy của số 213,8 sang bên trái một chữ số ta cũng được 21,38.

$213,8 : 10 = 21,38$

b)
$$\begin{array}{r} 89,13 \overline{) 100} \\ 913 \overline{) 0,8913} \\ 130 \\ \underline{300} \\ 0 \end{array}$$
 Nhận xét : Nếu chuyển dấu phẩy của số 89,13 sang bên trái hai chữ số ta cũng được 0,8913.

$89,13 : 100 = 0,8913$

Muốn chia một số thập phân cho 10, 100, 1000... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba,... chữ số.

❶ Tính nhẩm :

a) $43,2 : 10 = \dots\dots\dots$
 $0,65 : 10 = \dots\dots\dots$
 $432,9 : 100 = \dots\dots\dots$
 $13,96 : 1000 = \dots\dots\dots$

b) $23,7 : 10 = \dots\dots\dots$
 $2,07 : 10 = \dots\dots\dots$
 $2,23 : 100 = \dots\dots\dots$
 $999,8 : 1000 = \dots\dots\dots$

❷ Tính nhẩm rồi so sánh kết quả tính :

a) $\underbrace{12,9 : 10} \dots\dots \underbrace{12,9 \times 0,1}$
 $\dots\dots \dots\dots$

b) $\underbrace{123,4 : 100} \dots\dots \underbrace{123,4 \times 0,01}$
 $\dots\dots \dots\dots$

c) $\underbrace{\quad \quad \quad} \dots\dots \underbrace{\quad \quad \quad}$
 $\dots\dots 87,6 \times 0,01$
 $\dots\dots \dots\dots$

$5,7 : 10 \dots\dots 5,7 \times 0,1$ d) $87,6 : 100$
 $\dots\dots \dots\dots$

❸ Một kho gạo có 537,25 tấn gạo. Người ta lấy ra $\frac{1}{10}$ số gạo trong kho. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu tấn gạo ?

Tóm tắt

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 66 : Chia mộ t số tự nhiên cho mộ t số tự nhiên
mà thương tìm được là mộ t số thập phân**

● Ghi nhớ :

$$\begin{array}{r} 27 \quad | \quad 4 \\ 30 \quad | \quad 6,75 \\ 20 \\ 0 \\ 27 : 4 = 6,75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23 \quad | \quad 8 \\ 70 \quad | \quad 2,875 \\ 60 \\ 40 \\ 0 \\ 27 : 4 = 6,75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 43 \quad | \quad 52 \\ 430 \quad | \quad 0,82 \\ 140 \\ 36 \\ 43 : 52 = 0,82 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 384 \quad | \quad 15 \\ 84 \quad | \quad 25,6 \\ 90 \\ 0 \\ 384 : 15 = 25,6 \end{array}$$

❶ Đặt tính rồi tính :

a) $12 : 5$

$23 : 4$

$882 : 36$

b) $15 : 8$

$75 : 12$

$81 : 4$

❷ May 25 bộ quần áo như nhau hết 70m vải. Hỏi may 6 bộ quần áo như thế hết bao nhiêu mét vải ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❸ Viết các phân số sau dưới dạng số thập phân :

$$\frac{2}{5} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{3}{4} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{18}{5} = \dots\dots\dots$$

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 67 : Luyện tập

❶ Tính :

a) $5,9 : 2 + 13,06$ b) $35,04 : 4 - 6,87$ c) $167 : 25 : 4$ d) $8,76 \times 4 : 8$

❷ Tính rồi so sánh kết quả tính :

a) $\underbrace{\hspace{1cm}} \quad \underbrace{\hspace{1cm}} \quad 8,3 \times 0,4 \dots 8,3 \times 10 : 25$ b) $\underbrace{4,2 \times 1,25 \dots 4,2 \times 10 : 8}$
c) $0,24 \times 2,5 \dots 0,24 \times 10 : 4$

❸ Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn đó ?

Bài giải

❹ Trong 3 giờ xe máy đi được 93km. Trong 2 giờ ô tô đi được 103km. Hỏi mỗi giờ ô tô đi nhiều hơn xe máy bao nhiêu ki-lô-mét ?

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 68 : Chia mộ t số tự nhiên cho mộ t số thập phân

● Ghi nhớ :

$$\begin{array}{r|l} 570 & 9,5 \\ 0 & 6 \end{array}$$

$$57 : 9,5 = 6$$

$$\begin{array}{r|l} 9900 & 8,25 \\ 1650 & 12 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 0 \\ 99 : 8,25 = 12 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 9000 & 0,006 \\ 30 & 1500 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 000 \\ 9 : 0,006 = 1500 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 40 & 12,5 \\ 400 & 0,32 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 250 \\ 0 \\ 4 : 12,5 = 0,32 \end{array}$$

❶ Đặt tính rồi tính :

a) $7 : 3,5$

b) $702 : 7,2$

c) $9 : 4,5$

d) $2 : 12,5$

❷ Tính nhẩm :

a) $32 : 0,1$

=

b)

$168 : 0,1 =$

.....c)

$934 : 0,01 =$

$32 : 10 =$

$168 : 10 =$

$934 : 100 =$

❸ Một thanh sắt dài 0,8m cân nặng 16kg. Hỏi một thanh sắt cùng loại dài 0,18m cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 69 : Luyện tập

❶ Tính rồi so sánh kết quả tính :

a) $\underbrace{\quad \quad \quad} \quad \underbrace{\quad \quad \quad} \quad 5 : 0,5 \dots\dots 5 \times 2 \underbrace{\quad \quad \quad} \quad \underbrace{\quad \quad \quad} \quad \text{b) } 3 : 0,2 \dots\dots 3 \times 5$

c) $\underbrace{52 : 0,5} \dots\dots \underbrace{52 \times 2}$

d) $\underbrace{18 : 0,25} \dots\dots \underbrace{18 \times 4}$

❷ Tìm x :

a) $x \times 8,6 = 387$

b) $9,5 \times x = 399$

❸ Thùng to có 21 lít dầu, thùng bé có 15 lít dầu. Số dầu đó được chứa vào các chai như nhau, mỗi chai có 0,75 lít. Hỏi có tất cả bao nhiêu chai dầu ?

Tóm tắt

Bài giải

❹ Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 12,5m và có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 25m. Tính chu vi thửa ruộng hình chữ nhật đó.

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 70 : Chia mộ t số thập phân cho mộ t số thập phân

● Ghi nhớ :

$$\begin{array}{r} 23,5,6 \overline{) 6,2} \\ 496 \overline{) 3,8} \end{array}$$

0

$$23,56 : 6,2 = 3,8$$

$$\begin{array}{r} 82,55 \overline{) 1,27} \\ 635 \overline{) 65} \end{array}$$

0

$$82,55 : 1,27 = 65$$

$$\begin{array}{r} 9,60 \overline{) 0,06} \\ 36 \overline{) 160} \end{array}$$

00

$$9,6 : 0,06 = 160$$

$$\begin{array}{r} 0,07,85 \overline{) 0,25} \\ 78 \overline{) 0,314} \end{array}$$

35

$$100$$

0

$$0,0785 : 0,25 = 0,314$$

❶ Đặt tính rồi tính :

a) $19,72 : 5,8$

b) $8,216 : 5,2$

c) $12,88 : 0,25$

d) $17,4 : 1,45$

❷ Biết 4,5 lít dầu cân nặng 3,42kg. Hỏi 8 lít dầu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Tóm tắt

Bài giải

❸ May mỗi bộ quần áo hết 2,8m vải. Hỏi có 429,5m vải thì may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như thế và còn thừa mấy mét vải ?

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

..... **To án**

❶ Đặt tính rồi tính :

d) $98,156 : 4,63$

② Tìm x :

Mẫu : $x \times 9,5 = \underline{3,99} \times \underline{4,75}$

$$x \times 9,5 = 18,9525$$

$$x = 18,9525 : 9,5$$

$$X = 1,995$$

c) $x \times 1,36 = 4,76 \times 4,08$

❸ Biết 5,2 lít dầu cân nặng 3,952kg. Hỏi có bao nhiêu lít dầu nếu chúng cân nặng 5,32kg ?

Bài giải

Mẫu: $\begin{array}{r|l} 22,44 & 18 \\ 44 & 1,24 \\ \hline 84 & \\ 12 & \end{array}$

0,12

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 72 : Luyện tập chung

❶ Tính :

a) $400 + 50 + 0,07$

b) $30 + 0,5 + 0,04$

c) $100 + 7 + \frac{8}{100}$

d) $35 + \frac{5}{10} + \frac{3}{100}$

❷ Điền dấu >, <, = ?

$4\frac{3}{5}$ 4,35

14,09 $14\frac{1}{10}$

$2\frac{1}{25}$ 2,2

$7\frac{3}{20}$ 7,15

❸ Tìm số dư của phép chia, nếu lấy đến hai chữ số ở phần thập phân của thương :

a) $22,44 \overline{) 18}$ Số dư là 0,12.

$\begin{array}{r} 44 \\ 84 \\ 12 \end{array}$ Thử lại :

$1,24 \times 18 + 0,12 = 22,44$

0,12

b) $2,319 \overline{) 21}$ Số dư là 0,009

$\begin{array}{r} 23 \\ 21 \\ 09 \end{array}$ Thử lại :

$0,11 \times 21 + 0,009 = 2,319$

0,009

a) $6,251 : 7$

b) $33,14 : 58$

c) $375,23 : 69$

Số dư là

Số dư là

Số dư là

❹ Tìm x :

Mẫu: $1,2 \times x = 3,18 \times 10$

$1,2 \times x = 31,8$

$x = 31,8 : 1,2$

$x = 26,5$

$15 : x = 24 : 10$

$15 : x = 2,4$

$x = 15 : 2,4$

$x = 6,25$

a) $0,8 \times x = 1,2 \times 10$

b) $210 : x = 14,92 - 6,52$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

c) $25 : x = 16 : 10$

d) $6,2 \times x = 43,18 + 18,82$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 73 : Luyện tập chung

❶ Đặt tính rồi tính :

a) $266,22 : 34$

b) $483 : 35$

c) $91,08 : 3,6$

d) $3 : 6,25$

❷ Tính :

a) $(128,4 - 73,2) : 2,4 - 18,32$

b) $8,64 : (1,46 + 3,34) + 6,32$

❸ Một động cơ mỗi giờ chạy hết 0,5 lít dầu. Hỏi có 120 lít dầu thì động cơ đó chạy được trong bao nhiêu giờ ?

Tóm tắt

Bài giải

❹ Tìm x :

$$\text{a) } x - 1,27 = 13,5 : 4,5$$

$$\text{b) } x + 18,7 = 50,5 : 2,5$$

$$\text{c) } x \times 12,5 = 6 \times 2,5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 74 : Tỉ số phần trăm

● Ghi nhớ : $25 : 100 = \frac{25}{100} = 25\%$ đọc là : hai mươi lăm phần trăm.

Ví dụ : Một trường có 400 học sinh, trong đó có 80 học sinh giỏi. Tìm tỉ số phần trăm của số học sinh giỏi và số học sinh toàn trường.

(Gợi ý : -Gạch chân dữ kiện thứ nhất : số học sinh giỏi } Tìm tỉ số % ($a : b = \frac{a}{b} = \dots\%$)
-Gạch chân dữ kiện thứ hai : số học sinh toàn trường }

Bài giải

Tỉ số phần trăm của số học sinh giỏi và số học sinh toàn trường là :

$$80 : 400 = \frac{80}{400} = \frac{20}{100} = 20\%$$

Đáp số : 20%

❶ Viết (theo mẫu) : Mẫu : $\frac{75}{300} = \frac{25}{100} = 25\%$

$$\frac{60}{400} = \frac{\dots}{\dots} = \dots$$

$$\frac{60}{500} = \frac{\dots}{\dots} = \dots$$

$$\frac{96}{300} = \frac{\dots}{\dots} = \dots$$

❷ Kiểm tra sản phẩm của một nhà máy, người ta thấy trung bình cứ 100 sản phẩm thì có 95 sản phẩm đạt chuẩn. Hỏi số sản phẩm đạt chuẩn chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số sản phẩm của nhà máy ? (Gợi ý : gạch chân dữ kiện thứ nhất và dữ kiện thứ hai. Tìm tỉ số %)

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

❸ Một vườn cây có 1000 cây, trong đó có 540 cây lấy gỗ và còn lại cây ăn quả.

a) Số cây lấy gỗ chiếm bao nhiêu phần trăm số cây trong vườn ?

b) Tỉ số phần trăm của số cây ăn quả và số cây trong vườn là bao nhiêu ?

(Gợi ý : gạch chân dữ kiện thứ nhất và dữ kiện thứ hai. Tìm tỉ số %)

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

..... To án

● Ghi nhớ : $a : b \times 100 = \dots\%$

-Tìm thương của a và b rồi nhân thương đó với 100 và viết kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

(Gợi ý : -Gạch chân dữ kiện thứ nhất : số học sinh nữ
-Gạch chân dữ kiện thứ hai : số học sinh toàn trường } Tìm tỉ số % ($a : b \times 100 = \dots\%$)

Bài giải

Tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh toàn trường là :

$$315 : 600 \times 100 = 52,5\%$$

Đáp số : 52,5%

(Gợi ý : -Gạch chân dữ kiện thứ nhất : lượng muối -Tìm tỉ số % ($a : b \times 100 = \dots\%$)
-Gạch chân dữ kiện thứ hai : nước biển }

Bài giải

Tỉ số phần trăm của lượng muối trong nước biển là :

$$2,8 : 80 \times 100 = 3,5\%$$

Đáp số : 3,5%

Mẫu : $0,57 = 57\%$ $0,3 = \dots\dots\dots$ $0,234 = \dots\dots\dots$ $1,35 = \dots\dots\dots$
 ($0,57 \times 100 = 57\%$)

Mẫu :

a) 19 và 30

$$19 : 30 = 0,6333... = 63,33\%$$

b) 45 và 61

| c) 1,2 và 26

↓

$$(0,6333... \times 100 = 63,33\%)$$

(Gợi ý : gạch chân dữ kiện thứ nhất và dữ kiện thứ hai. Tìm tỉ số % $\Rightarrow a : b \times 100 = \dots\%$)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❶ Tính (theo mẫu) :

$$60\% : 5 = 12\%$$

b) $30\% - 16\% = \dots\dots\dots$

d) $216 \% : 8 = \dots\dots\dots$

b) Hết năm thôn Hòa An đã thực hiện được bao nhiêu phần trăm và vượt mức kế hoạch cả năm bao nhiêu phần trăm ?

Bài giải

[illegible]

b) Người đó đã lãi bao nhiêu phần trăm ?

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 77 : Giải to án về tỉ số phần trăm (tiếp theo)

● Ghi nhớ :

Ví dụ 1 : Một trường tiểu học có 800 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 52,5%.
Tính số học sinh nữ của trường đó.

Tóm tắt

Cách 1 :

Bài giải

Cách 2 :

100% : 800 học sinh	Số học sinh nữ của trường đó là :	Số học sinh nữ của trường đó là :
52,5% : học sinh	$800 \times 52,5 : 100 = 420$ (học sinh)	$800 : 100 \times 52,5 = 420$ (học sinh)

Đáp số : 420 học sinh nữ

Đáp số : 420 học sinh nữ

Ví dụ 2 : Lãi suất tiết kiệm là 0,5% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 1 000 000 đồng.
Tính số tiền lãi sau một tháng.

Tóm tắt

100%	:	1 000 000	đồng
↓ 0,5%	:	đồng ?	↓

Cách 1 :

Bài giải

Cách 2 :

Số tiền lãi sau một tháng là :

Số tiền lãi sau một tháng là :

$1\,000\,000 \times 0,5 : 100 = 5000$ (đồng)

$1\,000\,000 : 100 \times 0,5 = 5000$ (đồng)

Đáp số : 5000 đồng

Đáp số : 5000 đồng

❶ Một lớp học có 32 học sinh, trong đó số học sinh 10 tuổi chiếm 75%, còn lại là học sinh 11 tuổi. Tính số học sinh 11 tuổi của lớp học đó.

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❷ Lãi suất tiết kiệm là 0,5%. Một người gửi tiết kiệm 5 000 000 đồng. Hỏi sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

❸ Một xưởng may đã dùng hết 345m vải để may quần áo, trong đó số mét vải may quần chiếm 40%. Hỏi số vải may áo là bao nhiêu mét ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 78 : Luyện tập

❶ Tính (theo mẫu) : Tìm 5% của 20 tấn $\Rightarrow 100\% : 20 \text{ tấn}$

$\downarrow 5\% : \dots \text{ tấn ? } \downarrow$

$$20 \times 5 : 100 = 1 \text{ tấn}$$

a) Tìm 15% của 320kg

b) Tìm 24% của 235m²

c) Tìm 0,4% của 350

❷ Một người bán 120kg gạo, trong đó có 35% là gạo nếp. Hỏi người đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp ?

Tóm tắt

Bài giải

❸ Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 18m và chiều rộng 15m. Người ta dành 20% diện tích mảnh đất để làm nhà. Tính diện tích phần đất làm nhà.

Tóm tắt

Bài giải

④ Một vườn cây ăn quả có 1200 cây. Hãy tính nhẩm 5%, 10%, 20%, 25% số cây trong vườn.

Bài giải

[illegible]

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 79 : Giải to án về tỉ số phần trăm (tiếp theo)

● Ghi nhớ :

Ví dụ 1 : Số học sinh nữ của một trường là 420 em và chiếm 52,5% số học sinh toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh ?

Tóm tắt

Cách 1 :

Bài giải

Cách 2 :

52,5% : 420 học sinh		Số học sinh của trường đó là :		Số học sinh của trường đó là :
100% : học sinh		$420 \times 100 : 52,5 = 800$ (học sinh)		$420 : 52,5 \times 100 = 800$ (học sinh)

Đáp số : 800 học sinh

Đáp số : 800 học sinh

Ví dụ 2 : Năm vừa qua một nhà máy chế tạo được 1590 ô tô. Tính ra nhà máy đã đạt được 120% kế hoạch. Hỏi theo kế hoạch, nhà máy dự định sản xuất bao nhiêu ô tô ?

Tóm tắt

120% : 1590 ô tô

↓ 100% : ô tô ? ↓

Cách 1 :

Bài giải

Cách 2 :

Số ô tô nhà máy dự định sản xuất là :

Số ô tô nhà máy dự định sản xuất là :

$1590 \times 100 : 120 = 1325$ (ô tô)

$1590 : 120 \times 100 = 1325$ (ô tô)

Đáp số : 1325 ô tô

Đáp số : 1325 ô tô

❶ Số học sinh khá giỏi của trường Vạn Thịnh là 552 em, chiếm 92% số học sinh toàn trường. Hỏi trường Vạn Thịnh có bao nhiêu học sinh ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

❷ Kiểm tra sản phẩm của một xưởng may, người ta thấy có 732 sản phẩm đạt chuẩn, chiếm 91,5% tổng số sản phẩm. Tính tổng số sản phẩm ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

❸ Một kho gạo chứa gạo tẻ và gạo nếp, trong đó có 5 tấn gạo nếp. Tính nhẩm tổng số gạo của kho, nếu số gạo nếp chiếm :

a) 10% số gạo trong kho.

b) 25% số gạo trong kho.

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 80 : Luyện tập

❶ a) Tìm tỉ số phần trăm của hai số 37 và 42.

.....
.....

b) Một tổ sản xuất làm được 1200 sản phẩm, trong đó anh Ba làm được 126 sản phẩm. Hỏi anh Ba làm được bao nhiêu phần trăm số sản phẩm của tổ ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

❷ a) Tìm 30% của 97.

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....

b) Một cửa hàng bỏ ra 6 000 000 đồng tiền vốn. Biết cửa hàng đó lãi 15%, tính số tiền lãi.

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

❸ Mẫu : Tìm một số, biết 20% của nó là 12.

Tóm tắt : $20\% : 12$ } $12 \times 100 : 20 = 60$
 $\uparrow 100\% : \dots ? \uparrow$

a) Tìm một số, biết 30% của nó là 72.

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....

.....
.....

b) Một cửa hàng đã bán được 420kg gạo và số gạo đó bằng 10,5% tổng số gạo của cửa hàng trước khi bán. Hỏi trước khi bán cửa hàng có bao nhiêu tấn gạo ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tuần 17 Thứ , ngày tháng năm 201...

..... **To án**

Bài 81 : Luyện tập chung

❶ Tính :

a) $216,72 : 42$

b) $1 : 12,5$

c) $109,98 : 42,3$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

❷ Tính :

a) $(131,4 - 80,8) : 2,3 + 21,84 \times 2$

b) $8,16 : (1,32 + 3,48) - 0,345 : 2$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

❸ Cuối năm 2000 số dân của một phường là 15 625 người. Cuối năm 2001 số dân của phường đó là 15 875 người.

a) Hỏi từ cuối năm 2000 đến cuối năm 2001 số dân của phường đó tăng thêm bao nhiêu phần trăm ?

b) Nếu từ cuối năm 2001 đến cuối năm 2002 số dân của phường đó cũng tăng thêm bấy nhiêu phần trăm thì cuối năm 2002 số dân của phường đó là bao nhiêu người ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

④ Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Một người bán hàng bị lỗ 70 000 đồng và số tiền đó bằng 7% số tiền vốn bỏ ra. Để tính số tiền vốn của người đó, ta cần tính :

A. $70\,000 : 7$

.....
.....

B. $70\,000 \times 7 : 100$

.....

C. $70\,000 \times 100 : 7$

.....

D. $70\,000 \times 7$

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 82 : Luyện tập chung

❶ Viết các hỗn số sau thành số thập phân :

$$4\frac{1}{2} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$$

$$3\frac{4}{5} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$$

$$2\frac{3}{4} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$$

$$1\frac{12}{25} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}} = \frac{\text{.....}}{\text{.....}}$$

❷ Tìm x :

a) $x \times 100 = 1,643 + 7,357$

b) $0,16 : x = 2 - 0,4$

❸ Một máy bơm trong ba ngày hút hết nước ở hồ. Ngày thứ nhất máy bơm đó hút được 35% lượng nước trong hồ, ngày thứ hai hút được 40% lượng nước trong hồ. Hỏi ngày thứ ba máy bơm đó hút được bao nhiêu phần trăm lượng nước trong hồ ?

Tóm tắt

Bài giải

❹ Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

$$805\text{m}^2 = \dots \text{ha}$$

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là :

A. 80,5

B. 8,05

C. 0,805

D. 0,0805

● Ghi nhớ :

$$2\frac{5}{8} = \frac{2 \times 8 + 5}{8} = \frac{21}{8}$$

$$1,2 \times x = \underbrace{3,18 \times 10}_{31,8}$$

$$1,2 \times x = 31,8$$

$$x = 31,8 : 1,2$$

$$x = 26,5$$

$$15 : x = \underbrace{24 : 10}_{2,4}$$

$$15 : x = 2,4$$

$$x = 15 : 2,4$$

$$x = 6,25$$

Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy
tích chia thừa số đã biết.

Muốn tìm số chia ta lấy
số bị chia chia cho thương.

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 83 : Giới i thiệu máy tính bỏ túi

❶ Thực hiện các phép tính sau :

a) $126,45 + 796,892$ b) $352,19 - 189,471$ c) $75,54 \times 39$ d) $308,85 : 14,5$

❷ Viết các phân số sau thành số thập phân :

$\frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$\frac{5}{8} = \dots\dots\dots$

$\frac{6}{25} = \dots\dots\dots$

$\frac{5}{40} = \dots\dots\dots$

❸ Một học sinh lần lượt ấn các phím sau :



Theo em, bạn đó đã tính giá trị của biểu thức nào ?

❶ Tìm x :

a) $x \times 10 = 1,643 : 0,01$

b) $204 : x = 204 \times 0,1$

Mẫu : $x \times 1,2 - 1,25 = 3,718$ $121,3 : x - 0,16 = 24,1$
 $x \times 1,2 = 3,718 + 1,25$

$$x \times 1,2 = 4,968$$

.....

$$x = 4,968 : 1,2$$

.....

$$x = 4,14$$

.....

Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy
tích chia thừa số đã biết.

$$x \times 0,6 - 25,6$$

Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia
chia cho thương.

$$= 47913,93 : x + 2,61 = 4,6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 84 : Sử dụng máy tính bỏ túi để giải to án về tỉ số phần trăm

❶ Trong bảng sau, cột cuối cùng ghi tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và tổng số học sinh của một số trường. Hãy dùng máy tính bỏ túi để tính và viết kết quả vào cột đó.

Trường	Số học sinh	Số học sinh nữ	Tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và tổng số học sinh
An Hà	612	311	
An Hải	578	294	
An Dương	714	356	
An Sơn	807	400	

2 Trung bình xay xát 1 tạ thóc thì thu được 69kg gạo, tức là tỉ số phần trăm của gạo và thóc là 69%. Bằng máy tính bỏ túi, hãy tính số gạo thu được khi xay xát thóc và viết vào ô trống (theo mẫu) :

Thóc (kg)	Gạo (kg)
100	69
150	
125	
110	
88	

3 Với lãi suất tiết kiệm 0,6% một tháng, cần gửi bao nhiêu tiền để sau một tháng nhận được số tiền lãi là :

a) 30 000 đồng

b) 60 000 đồng

c) 90 000 đồng

Tóm tắt

Bài giải

[illegible]

.....

.....

.....

.....

④ Hãy tính và viết kết quả vào ô trống :

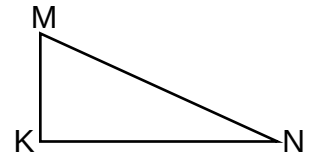
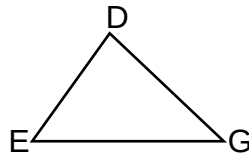
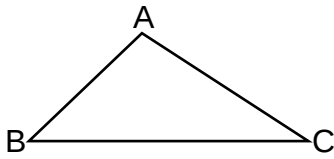
Kho	Tổng số gạo trong kho (tấn)	Số gạo nếp (tấn)	Tỉ số phần trăm của số gạo nếp và tổng số gạo trong kho
A	25	8	
B	150		26%
C		210	0,7%

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 85 : Hình tam giác

❶ Viết tên ba góc và ba cạnh của mỗi hình tam giác dưới đây :



Hình tam giác có :

-Ba góc là :

+Góc đỉnh ..., cạnh và
và

+Góc đỉnh ..., cạnh và
và

+Góc đỉnh ..., cạnh và
và

-Ba cạnh là : cạnh,
cạnh, cạnh

Hình tam giác có :

-Ba góc là :

+Góc đỉnh ..., cạnh và
và

+Góc đỉnh ..., cạnh và
và

+Góc đỉnh ..., cạnh và
và

-Ba cạnh là : cạnh,
cạnh, cạnh

Hình tam giác có :

-Ba góc là :

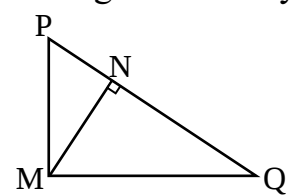
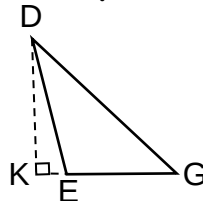
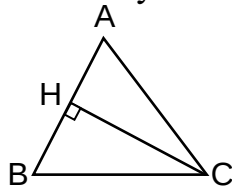
+Góc đỉnh ..., cạnh
và

+Góc đỉnh ..., cạnh
và

+Góc đỉnh ..., cạnh
và

-Ba cạnh là : cạnh,
cạnh, cạnh

❷ Hãy chỉ ra đáy và đường cao tương ứng được vẽ trong mỗi hình tam giác dưới đây :



..... là đường cao tương ứng
với đáy

..... là đường cao tương ứng
với đáy

..... là đường cao tương ứng
với đáy

❸ So sánh diện tích của :

a) Hình tam giác AED và hình tam giác EDH.

-Hình tam giác AED có ô vuông. Hình tam giác EDH có ô vuông.

-Vậy hình tam giác AED hình tam giác EDH.

b) Hình tam giác EBC và hình tam giác EHC.

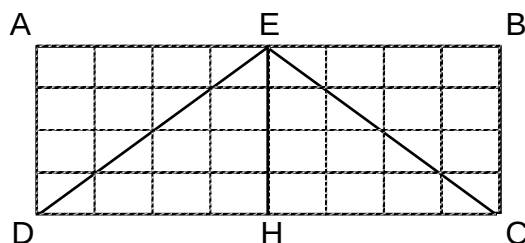
-Hình tam giác EBC có ô vuông. Hình tam giác EHC có ô vuông.

-Vậy hình tam giác EBC hình tam giác EHC.

c) Hình chữ nhật ABCD và hình tam giác EDC.

-Hình chữ nhật ABCD có ô vuông. Hình tam giác EDC có ô vuông.

-Vậy hình chữ nhật ABCD hình tam giác EDC.

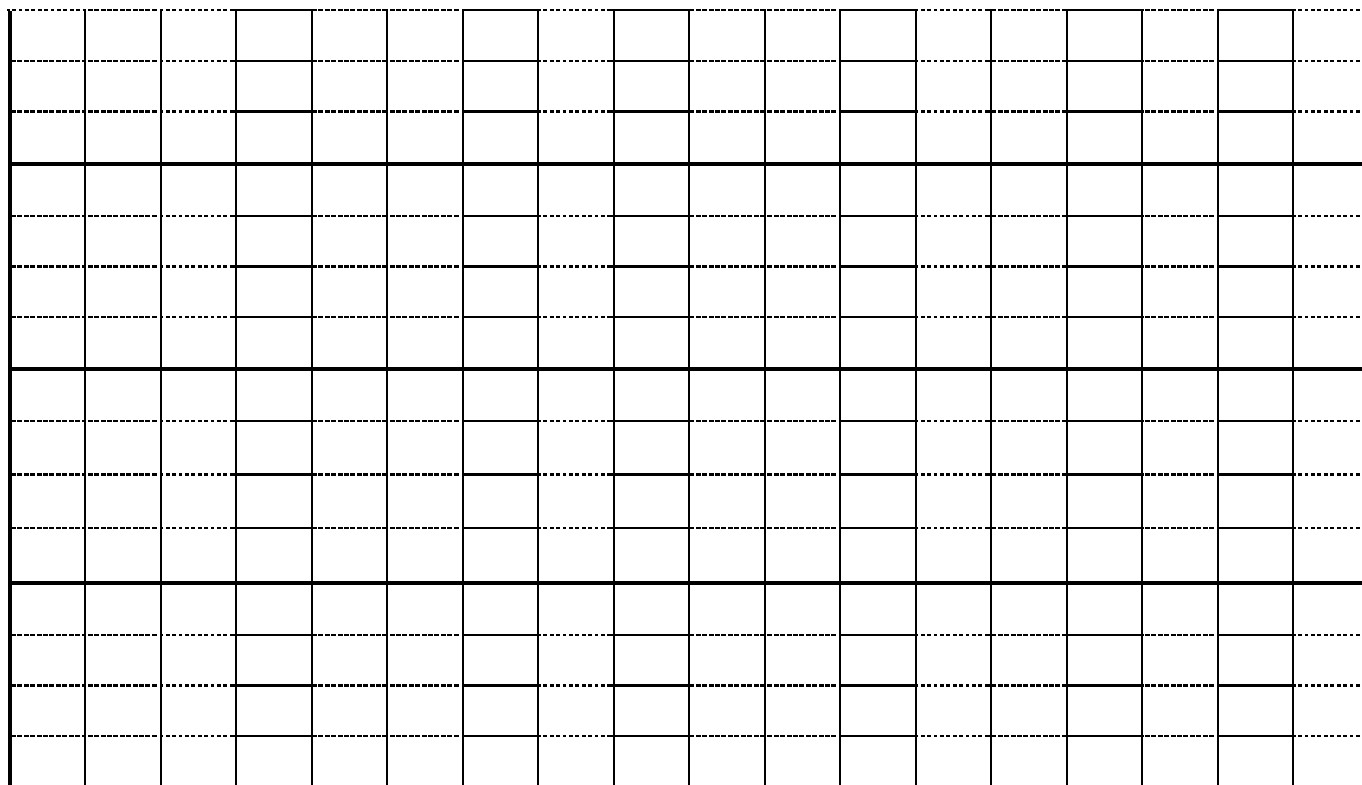


● Ghi nhớ : Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

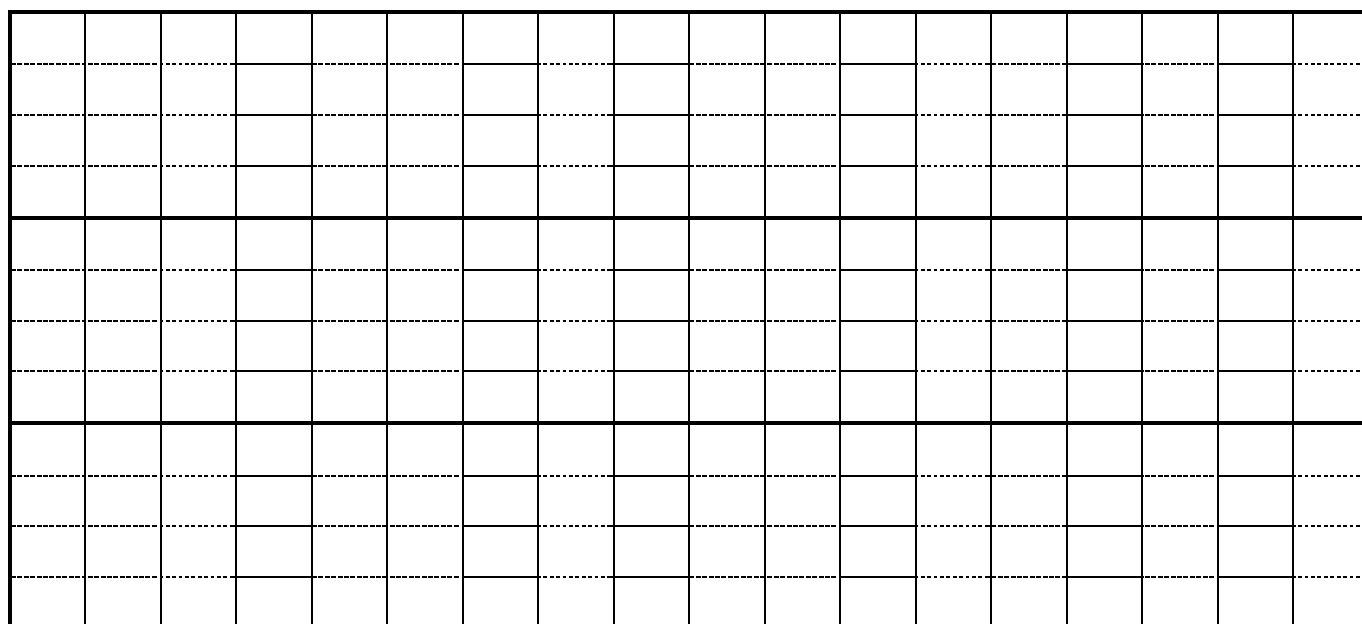
A diagram of a triangle with a horizontal base. A vertical line segment from the top vertex to the base represents the height, labeled 'h'. A right-angle symbol is shown at the intersection of the height and the base. A double-headed arrow below the base indicates its length, labeled 'a'.

❶ Tính diện tích hình tam giác có :

[illegible][illegible][illegible]



b) Độ dài đáy là 42,5m và chiều cao là 5,2m.



..... **To án**

❶ Tính diện tích hình tam giác có độ dài đáy là a và chiều cao là h :

b) $a = 16\text{dm}$; $h = 5,3\text{m}$

[illegible]

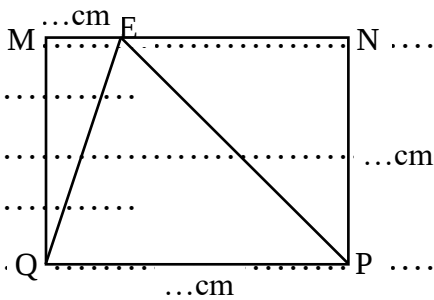
.....

b) Tính diện tích hình tam giác

Bài giải

[illegible]

-
- A rectangle PQMN is shown on a grid. The rectangle has a height of 4 cm and a width of 3 cm. A triangle MPQ is inscribed within the rectangle, with vertices M (top-left), P (bottom-right), and Q (bottom-left). The triangle MPQ is shaded.



Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 88 : Luyện tập chung

Phần 1 : Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

❶ Chữ số 3 trong số thập phân 72,364 có giá trị là :

- A. 3 B. $\frac{3}{10}$ C. $\frac{3}{100}$ D. $\frac{3}{1000}$

❷ Trong bể có 25 con cá, trong đó có 20 con cá chép. Tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là :

- A. 5% B. 20% C. 80% D. 100%

❸ 2800g bằng bao nhiêu ki-lô-gam ?

- A. 280kg B. 28kg C. 2,8kg D. 0,28kg

Phần 2 :

❶ Đặt tính rồi tính :

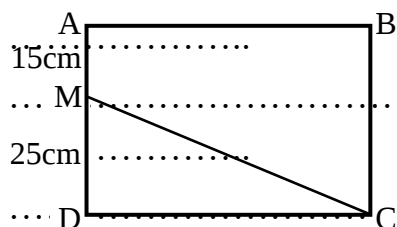
- a) $39,72 + 46,18$ b) $95,64 - 27,35$ c) $31,05 \times 2,6$ d) $77,7 : 2,5$

❷ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

- a) $8\text{m } 5\text{dm} = \dots\dots\dots \text{m}$ $8\text{m}^2 \text{ } 5 \text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

❸ Cho biết diện tích hình chữ nhật ABCD là 2400m^2 (xem hình vẽ). Tính diện tích của hình tam giác MDC.

Bài giải



.....
.....
.....
.....

❹ Tìm hai giá trị số của x sao cho : $3,9 < x < 4,1$

Vậy $x = \dots\dots\dots$; $x = \dots\dots\dots$

❺ Một người đi xe máy mỗi giờ đi được 42,5km. Hỏi trong $2\frac{1}{2}$ giờ người đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét ?

Tóm tắt

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thứ , ngày tháng năm 201...

To án

Bài 89 : Kiểm tra

Phần 1 : Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

❶ Hỗn số $121\frac{51}{1000}$ được chuyển thành số thập phân :

- A. 121,51 B. 121,501 C. 121,051 D. 121,5001

❷ Lớp 5A có 40 học sinh, trong đó có 22 học sinh nam. Tỷ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh lớp 5A là :

- A. 0,45% B. 45% C. 0,55% D. 55%

❸ Dãy số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn :

- A. 1,562 ; 1,56 ; 1,57 ; 2,7 ; 1,6 C. 1,56 ; 1,57 ; 1,562 ; 1,6 ; 2,7
B. 1,56 ; 1,562 ; 1,57 ; 1,6 ; 2,7 D. 1,57 ; 1,6 ; 1,562 ; 1,56 ; 2,7

❹ Phép chia $47,78 : 37$ có thương là 1,291, số dư là :

- A. 13 B. 1,3 C. 0,13 D. 0,013

Phần 2 :

❶ Đặt tính rồi tính :

- a) $19,62 + 6,158$ b) $59,4 - 7,53$ c) $12,07 \times 3,6$ d) $87 : 1,5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❷ Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

- 1m 4cm = m $3,7m^2 = \dots\dots\dots m^2 \dots\dots\dots dm^2$
0,9 tấn = kg $2,59ha = \dots\dots\dots m^2$

❸ Một cửa tiệm bán vải ngày thứ nhất bán được 32,7m vải và bán kém ngày thứ hai là 4,6m vải. Ngày thứ ba bán số mét vải bằng trung bình cộng của hai ngày đầu. Tính số mét vải ngày thứ ba bán được.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

④ Đánh dấu x vào trước câu trả lời đúng nhất :
Tuổi trung bình của Bố, Mẹ và Nam là 30 tuổi. Nam 11 tuổi, Bố hơn Mẹ 5 tuổi. Tính tuổi của Mẹ ?
☐ 79 tuổi ☐ 46 tuổi ☐ 42 tuổi ☐ 37 tuổi

Thứ , ngày tháng năm 201...

..... To án

Bài 90 : Kiểm tra

Phần 1 : Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

❶ Phần không tô đậm chiếm bao nhiêu phần trăm hình dưới đây : 

A. 3% B. 20% C. 30% D. 60%

❷ Số lớn nhất trong các số sau là :

A. 31,47 B. 29,999 C. 31,74 D. 31,407

❸ Số gồm có : bảy đơn vị, năm phần trăm được viết là :

A . 7,50 B . 7,05 C . 7,005
D. 500,7

❹ Một người bán hàng bỏ ra 80000 đồng tiền vốn và bị lỗ 6%. Tính số tiền lỗ, ta phải tính :

A. $80000 \times 6 : 100$ B . 80000×6 C. $80000 : 6 \times 100$ C. $80000 : 6$

Phần 2 :

❶ Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 8,459 m = cm

b) 263kg = tạ

c)

204,7 m² = ha

d) 4m² 8dm² = m²

❷ Tìm y :

a) $2097,6 : y = 69$

b) $50,68 + y = 68,4$

.....

.....

.....

.....

❸ a) Tính nhanh :

b) Tìm một số biết 25% của nó là 29.

$$\frac{5}{11} \times \frac{3}{8} + \frac{5}{11} \times \frac{4}{8} + \frac{5}{11} \times \frac{1}{8}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❹ Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 64,5m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

a) Tính diện tích mảnh vườn đó.

b) Người ta trồng hoa vào 70% diện tích mảnh vườn, còn lại là phần diện tích trồng rau.

Hỏi

diện tích trồng rau là bao nhiêu mét vuông ?

Bài giải

[illegible]